述前賢之所造

# 今文後産排纂攷

遺後學之無差

黄

永慶三年五月穀日

釋氏攻定國語集

禪齋徵課定未筆硯卞𠞺論尼理底𠊚成繹
典嵬𠃵玄光妙筆𨕭𨕭底𠉞三者同歸一言
儒共道士僧禪罢𠱋㐌罢法字釋迦監嚼
国語底和代𠹾埃陀召教茹禪攻文𡗶買

輱各𣳔自𣎃下筆香湯沐浴𣎃上还清辨譴
𤼸㝵小生𢪀𦀊紙曰分明訢詳調沛旀底隊
張詞磊衣底固方馬𧛇保茹齋主庄差模紙𣎃
𠓨舍合除耗𠬠𢒂𢇂𠬠𣘃𠃣防敗森磊消耗
𧴱罢𪏾𤯩持壽㑲些𤼸㝵特福主茹特恩𣳔
特歲享壽長磊𤯩減弄笆安害命或畀援度
資生𠔮𡢼吒㛪分明訴詳㛪吒羣吒在堂𤯩
稱哀子昆傷世𡍚羣㛪𢯏托末吒齋主貫孫
稱𡍚孫𡥵共𨨧父母堆𡗶齊一𡗅時稱罢𠊚
哀𡞕𥙩動𡗶过代良人𠲖号罢尼𣎃𣎃重[illegible]

ÉCOLE FRANÇAISE … BIBLIOTHÈQUE

補𦊚傷世、齋主称号𥆾𪥘室中、沼把恩爱恩
弁親孫報道泗匕初𡀮、昆末吒娭乡齋嚴奄
慈毋𡢐𪥘昆生、要奄𱜢𡢐弟兄、親兄親弟分
明庄柰、前後不一庄差、先昆庄可分咍渚𠸗、生
字不可下焉、若平死字庄特路之、頭行奏諸
疏牒開單、并諸文字内壇云匕、前餘一掌之
分、後餘兩掌餘分還世、連頭除八分𡀮、下通、
蟻走覌𪥘捕鉣、𡀮𱜢員品斋𠊛資生隨原要
之推詳、大斋水陸冥陽、或固預奏𠊛詳諸当
些曰乡𭛁表黄、朱書黄紙腰當饒分、寫状白

地天申事神𠊚别理論朱通、前賢典底泗匕、
庄朋付口買通事𡀮、𥆾𢂞𥘷立坛齋白地天
日𱜢𥆾天申、都會𥘷立鋪陳、謹取正日状申、
曰包、事坤𠊚别乡牢、竖幡𥆾𢂞意𥆾正齋謹
取某日庄差、某日崇建保𠼦分明、或𱜢水陸
資生、曰預奏表按行如之、日白地天状隨礼
𥆾湅坛𱜢𠊛曰崇、理茂保敬朱通𠊚才縮體
𤍊弄連咍状曰用白紙𡀮、無𠯦有𤻻状𪥘一
封開單四道並用、𠬠當境位並空渚乡神位
四向陀甘、至於𦬑奏用乡齋𠊛奏、奏状七口丕

𠬠並用白紙黑書渭匕申狀𠬠固四封開單
五道渭匕如之、公牒有四封皮、若無頭奏用
之蔑屬例蔑奏曰表黃尼菩薩白紙狀屬例朱通
申狀𠬠古四封、共白紙曰並用如之隨原徃
生丕𠬠、蔑奏用表共𠬠買年、奏伏六位加前、
世尊菩薩金蓮上座、停位灌頂去咒、添位十
位伏丕和例名列前三宝分明、天地水表進
呈芳掌、表曰朱書紙黃菩薩白紙黃翁並用狀
申𠬠固四封、法乡白紙並用黑書、奏疏菩薩、
伏慈、称浪弟子罵兮沛在、天府時称臣僧地

府称曰小僧用匕水府称浪僧空、申狀四道
丕共隨之、申奏進狀諸侯、日𠬠不指丕𠬠留
空、内坛疏四道封、固罘副本四封方爲功傷
疏氏吏祐、曰固元命些乡朱明太歲年月日
行、用之一印分明朱諱公牒八道八張、開獄
功德𠄧羌葬世、填丞公攝課𡨺、曰罘牒氏朱
咍理茂、共固之命肆辣、甩𢀭一印守頭額當、
一印大字頭行半年一印腰當世咒法師壹、
印計咒、諸弁共丕詗和肆辣、以象品字滿匕、
李祐朱别理茂買年、諸𠜭開諸牒時前奉伏齋、

主某先主茹、申状奏疏斯賧、居奉斎主主
茹姓名、斎儀糁榜令乙大門榜以分明紙黄、
和吏古榜茶湯、每榜糁行十一字尼、慈除吏
保朱咍、堆榜共日朋尼紙黄、進後第一等張
四十四状方函黄簽、第二等状進連、四十八道
貝贊方函尼罢等状第三、十四有𤔡無函黄
食、第四等状萬全、二十四𤔡白簽用[illegible]
隨願品斎、法古八位法排朱年十伏十位座
前、第一等伏吏豚受位、普廣菩薩用之、爲第二
状函旬黄簽隨願水陸冥陽二斎故此併詳朱咍、

資度䘮店㞢𦖑、罢申𨋣状曰尼𨋣函、罢牒𨋣開
𨋣単、五位使者五函属之公牒四道封皮、天下
當界属之城隍、開獄泬焦二張、共羅四道㞢羕
朱咍、開単吏属朋尼、𨋣翕𨋣道曰刷朱奴、進後
第一等匾方函十四状塗黄簽、第二等状進連、
七道函口黄簽並用、第三四道状封無函有𤔡
簽黄如之、第四六道封皮、皮時白紙丕時白簽、
内垓南牒萬全、功德開闢方圓内垓、曰固南牒
朱安化衣公據墳迓陰司、疏固四道封皮、黄簽

聖位用之在前請伏功德齋筵聖僧謝過萬全
分明、
尼請𢂞筵天庭景䶵寫状分明許詳並用黄紙
色黄、臨時対寫血當搜乇傍召三府塔高共固
巴状絲毫左差方函可𤀗皮外但敀聖号渚差
之羅、内状一体在訊、共固聖号𤀗函如㸔、吒自
𤼸奏乡頭、旦徵滿散術娄仍羅、旦朋边會傍科
恭遇某節丕和買分、齋称𠚢當某旬七七百日
或臨二祥、意羅十殿冥王迎旬共固保詳朱哈、

埃固乡𩿠迎齋、𠚢當某七薦亾、意𠸗𠰘保奈
旬尼吏吒曰亡人神位、初祀罘𥫵和推生老病
死計𠇍和用、病死台宁時肉生老台宁些用時年
女𩲡曰逆𢿱運男𩲡順𨗜保侍朱哈位時無𦘧
平尼幡時固𦘧朱哈於頭、埃固某戢閉妻生時
些渚曰𦘧乡之、几庫平尼㝵圭無戢、有𦘧曰時
姓名、屬術五姓五行、宮商角徵羽分明朱詳位
吒显考昆傷、位媄显妣耶娘仍𠬠、翁𠬠祖考計𠬠、
曾祖四代意陀共高高祖五代課尼良人才正安𠄼

重賢室中兕婿实先賢婦賢妹姊嫌庄呸賢兄
秝号兕嫑賢弟丹奄買參討之堂伯堂叔戊欺
号秝泩摶丕時人倫、伏爲正存亡灵帀埃朱別
朱明曰色保奴每理塔高庄少荊帀諸量孤疑、
意丹𠘑保曰位、尼保柬印諸侵斋垓戊印三宝
通連用諸䟽牒開单滴匕。開牒𦊛印畧娄草固
戊印半頭宁年、皮牒巴印萬全額字二印共連
神位、正面法耽用之柬連封字丕時渚訛滴封
等状斯㬵、正面一印用和宁封方爲䟽状洞匕、





用之三印宁封缸頭奏䟽申状㨮匕用之一印
半頭宁年、意兕揀印它安吏保題位黄僉滴爲
伏位或五或三、以中爲正題乡畧尼、二位四位
課尼、以左爲尊曰尼渚任、畧娄𠹾保洞匕、依如
尼帝連通每磨、資生水陸真陽資度品式道塲
諸斋理年劄底後來、談言妙語𠹾号後人埃乡
總斡攻文、袩紙朱泒迸分午通旬鉄福亨無窮
戊畑伏祖朗通閲茹灯匕相續斯㬵戊畑聚陇丕
和朗𤇮𤇮、禪斋徵課安未、𤍶兕奴少軒梅劄乡

南無長壽王菩薩　証明

合同詞祝筆

神筆灵〻三宝証明合仝大印與題超生

天子萬〻年

Công Văn Địch-đình bày biện các đàn
thuật biên hoàn chư sở tạo
Di hậu học chi vô sai

Vĩnh-Khánh Tam niên Ngũ nguyệt Cốc nhật (1731)

Thích-thị công định 攻定 Quốc ngữ tập

Nhiều trai chừng (徵) thuở định rồi
Bút nghiên bèn chép hận nơi lý mầu 茂
Chữ 助 thành Thích điển (釋典) đâu đấu
Huyền quang diệu bút trước sau để truyền 䛊 䜷
Tam giáo đồng qui nhất ngôn
NHO cùng ĐẠO-SĨ, TĂNG THIỀN là ba
Ấy là phép Bụt THÍCH CA
Làm 㐌 lời 𠰘 Quốc ngữ để hòa dạy khuyên
Ai đã chưa giáo nhà thiền
Công văn (攻文) lẫn 㐱 hết mới / ra nên danh thầy
Bữ ngày hạ bút [~~hương thang~~] [đến nay?] (m
Hương thang mộc dục ngày ngày sạch thanh
Biện khoản một 𠬠 người 𠊛 tiêu sinh
Thu lấy giấy viết phân minh tỏ tường
Bỏ phải (𢬣) để đòi trường
Bỏ lỗi 𡓇 ấy để có phương mưa nài: 㾓 → 奈 (x.40)
Bảo nhà trai-chủ chẳng 庄 sai
Mua giấy ngày rày xá hẹp trừ hao.
Một nghìn thêm một trăm vào
Phòng khi lầm 森 → 林 lỗi tiêu hao kưa là
Trước thì trì thọ [持壽] mệnh ta 𠓀
Sau người được phúc chủ nhà được ơn 𡢐
Ni 泥 được tuổi hưởng thọ trường
Lỗi thì giảm toán đã an hai mình
Hoặc là bạt độ 拔度 tư sinh (資生)
Ông bà cha mẹ phân minh tỏ tường
Mẹ thác [吒 → 托] còn cha tại đường (在堂)
Thì xưng AI-TỬ (哀子) con thương thay là 世

南無長壽王菩薩 證明
合同祠祝華
神筆灵三宝證明合全大印幾題趁生
天子萬匕宗

bần hoẵn 100
Bay : vẫy 45, 53
cốc tính 110
chiều dắm 105
ca (tay) 23, 8
cơ cầu 飢梂 30
cũng 共 26
dã 夜 (đổi thanh) 84, 99
đá đoạn 矵𢷀 11
đòi (ngày) 隊 7
dồi hỏi 堆 7

quà rửa

chửng 132, 16

sạc

mẳng : nghe 59
min 61

gẫy (= gậy) 70

hẵng 15
hòa 40, 80
hồ (biết hồ...) 18

nó (đủ) 107
nươi 54, 56 (đại thị đàn bà già) 72

lằm nói 100
lằm ngầm 89, 97, 144
lằm xong 93

Thấy 体見
Thấm thía 59
thầy (sư) 68

thể ấu 93, 101

qua ia 80

Trở 把 19

trăng trứng 131

ra nóc 罗卜 61, 67
rã rời 120
rạc tư 樂 41, 47
rậy ràng 48
rạc 113

vần (vậy) 81
viễn (cười) 104 (mẫn viền)
viễn 110 (mẫn viễn)
xá 88
xong xong 24

tư rạc 86
tư lường 105

Còn mẹ mà thác rồi cha
Trai chúa mới phải xưng là CÔ NHI 孤兒
Cùng khuyết phụ mẫu đôi vì
Tề nhất (齊一) vậy thì xưng là CÔ AI 孤哀
Vợ bỏ chồng, trước qua đời
LƯƠNG NHÂN 良人 xưng hiệu là nơi ngày rày
2b Chồng thác, bỏ vợ thương thay
Trai chủ xưng hiệu ngày rày THẤT TRUNG 室中
Cháu 沼 trả 把 ơn bà ơn ông
THÂN TÔN 親孫 báo đạo dòng dòng xưa nay
Con mất cha mẹ làm chay
NGHIÊM PHỤ, TỪ MẪU nghĩa rày con sinh
Anh em là nghĩa đệ huynh
Thân huynh thân đệ phận mình chẳng nài
Biên hậu bất nhất chẳng sai
Biên 先 côn 昆 chẳng khá, phân hai chẳng hồ.
Sinh tự (生字) bất khả hạ thùy
Nhược bằng Tử tự chẳng được trò 路 chữ đầu hàng!
Bấu chư sơ điệp quan đan 關單
Đừng chư văn tự nội đàn văn văn
Biên dư nhất chướng chi phần
Hậu dư lưỡng chướng dư phần lạ thay! 世
Biên đầu trả bất phân này
Mạ thông nghị tấu 奏 kiên rày bỏ đi
Này là bối phẩm 貝 trai nghi 齋儀
Tư sinh 資生 tùy nguyện yêu chi suy tường 要
Đại tiên thủy lục minh dương 大帝水陸冥門
Hoặc có độ tấu nghi tường nghĩa đang 奏詳語當
Ai viết làm sứ biên vàng 黄
Giấy Chu thư 朱書 hoàng chỉ 黄紙 yêu đương 嗢 khiếu phi
3a Bả trung bạch, địa thiên thần 白地天中
Sự thần ai biết lễ luận 論 cho thông.
Biên hiến đèo đáy dòng dòng
Chẳng bằng truyền khẩu mới thông sự này.
Ngày nào trúc lập 竪立 đàn chay
Bạch địa thiên nhật 天日(?) là ngày thiên thần

Đô hội trúc lập phô trần 鋪陳
Cẩn thủ 謹取 chính nhật trạng thân viết vào
Sư Khôn ai biết làm sao
Thụ phan 豎幡 ngày nào ấy ngày chính trai 正齋
Cẩn thủ mộ nhật 某日 chẳng sai
Mộ nhật sùng kiến 崇建 bảo lời phân minh
Hoặc là thủy lục tư sinh 資生
Nhật dư 日預 tấu biểu án hành như chi 按行如之
Nhật bạch địa thiên trạng tùy
Lễ ngày đáng đàn là nghi 仪 nhật sùng 日崇
Lễ mẫu bảo hết cho thông
Ai tai đơn 褶 thấy 體 thì lòng 悫 hiểu hay
Trạng bạch viết dùng bạch chỉ 白紙 nay
Vô hàm hữu lậu 無函有漏 trong rày nhất phong 一封
Quan đan 閘單 tứ đạo tịnh dụng 四道並用
Đứng đang cảnh vị 境位 tịnh không 並空 chớ làm
Thần vị 神位 tứ hướng 四向 đã cam
Chí ư phát tấu 至於發奏 dùng làm trai nghi 齋仪
36 Tấu trạng thất khẩu Bảy / thì 奏狀七口
Tịnh dụng Bạch chỉ 並用白紙 hắc thư 黑書 đồng đồng
Thần trạng 中狀 thì có tứ phong 四封
Quan đan ngũ đạo 閘單五道 đồng đồng như chi
Công điệp hữu tứ phong bì
Nhược vô dị tấu dùng chi phát rày
Phát tấu viết biểu vàng nay
Bồ tát bạch chỉ trạng rày cho thông
Thần trạng thì có tứ phong 四封
Cũng bạch chỉ viết tịnh dụng như chi 如之
Tùy nguyện vãng sinh vậy thì
Phát tấu dùng biểu cũng thì mới nên
Tâu Phật lục vị gia tiền 加前
Thế tôn Bồ tát Kim liên thượng tòa 金蓮上座
Đình vị 停位 quán đỉnh 灌頂 khứ la 去罡
Thêm (vị?) thập vị phật vậy hoà lệ danh 例名
Liệt tiền 到前 tam bảo phân minh
Thiên địa thủy biểu tiến trình chưởng phương (方掌?)

Biểu viết chu thư 朱書 giấy vàng 紙黄
Bồ tát bạch-chỉ hoàng thiêm 黄簽 tịnh dùng
Trạng thân thì có tứ phong
Phép làm bạch chỉ tịnh dùng hắc-thư 黑書
Tâu sớ bồ-tát phật-từ
Xưng rằng đệ tử mũa hề phải chăng
Thiên phủ 天府 thì xưng Thần Tăng 臣僧.
4a Địa phủ 地府 xưng viết TIỂU TĂNG 小僧 ròng ròng
Thủy phủ 水府 xưng rằng TĂNG không
Thân trạng 申狀 tứ đạo 四道 vậy cùng tùy chi
Thân tấu tiến hàng chư nghi
Nhất thì bất chỉ 不指 vậy thì lưu không 流空
Nội-đàn sớ tứ đạo phong
Có bốn phó bản tứ phong phương hàm 四封方函
. Công đức sớ ấy lại xem
Viết có nguyên mệnh 元命 tu làm cho minh
Thái tuế 太歲 niên nguyệt nhật hành
Dụng chi nhất ấn phân minh cho tường
Công điệp bát đạo bát trương
Khai ngục công đức một đường lá 竟 thay 世
Đền hoàn 填还 công ~~đảo~~ cứ thưở nay
Viết bốn điệp ấy cho hay lề mẫu
Cũng có chỉ, mệnh trước sau
Dùng chung nhất ấn giữa 字 đầu ngạch đang
Nhất ấn đạo tệ đầu hàng
Bùi niên nhất ấn yêu đang thay là!
Pháp sư nhất ấn kể ra
Chư tinh 諸弁 cũng vậy điều hòa trước sau
Đĩ [N3?] tướng phẩm tự 品字 làu làu (N3 = minh?)
Học xem cho biết lề mẫu mới nên
Chư quan chư điệp thì tiền 前
4b Phụng Phật trai / chủ, mộ tiền chủ nhà
Thần trạng tâu sớ gần xa
Cứ phụng trai chủ, chủ nhà tính danh
Trai nghi tấm bảng rành rành
Đại môn bảng ấy phân minh giấy vàng

Hoà lại có bảng trà thang
Mỗi bảng tám hành thập nhất tự này
Bây giờ lại bảo cho hay
140 Đôi bảng cùng viết bảng này giấy vàng
Biển hậu 继後 đệ nhất đẳng trường
Tứ (?) thập tứ tượng phương hàm hoàng thiêm 黄簽
Đệ tam đẳng trang tiến lên
144 Tứ thập bát đạo hoàng thiêm phương hàm
Này là đẳng trang đệ tam
Thập tứ hữu lậu 有漏 vô hàm 㫬 hoàng thiêm
Đệ tứ đẳng trang vạn tuyền
148 Nhị thập tứ lậu bạch thiêm 白簽 dùng rày
Trai nghi tuỳ nguyện phẩm trai
Phép có bát vị, pháp bày cho nên
Thập Phật thập vị tọa tiền
152 Đệ nhất đẳng phục lại thêm một 文 vì
Phổ quảng Bồ tát dụng chi
Thuộc đệ nhất trạng hàm 㫬 thì hoàng thiêm
Tuỳ nguyện thuỷ lục minh đường
156 Nhị trai phóng thả bảo tướng cho hay
Tư độ 资度 một 㑹 đêm một ngày
Bốn thân năm trạng viết nay năm hàm
Bởi điệp năm quan 閞 năm đan 单
160 Ngũ vị sứ giả, ngũ hàm thuộc chi (= nó)
Cùng điệp tứ đạo phong bì
Thiên hạ đương giới 当界 thuộc chi thành hoàng
Khai ngục ô tiêu 沃焦, nhị trương
164 Cũng là tứ đạo một đường cho hay
Quan đan 閞单 lại thuộc bảng nay
Năm ông năm đạo viết rày cho nó
Biển hậu đệ nhất đẳng khu
168 Phương hàm thập tứ trang đồ 塗 hoàng thiêm
Đệ nhị đẳng trang tiến lên
Nhất đạo hàm khẩu hoàng thiêm tịnh dùng
Đệ tam tứ đạo tịnh phong
172 Vô hàm hữu lậu thiêm hoàng nhẻ chi

Dệ tế lục đạo phong bì
Bởi thì bạch chỉ vậy thì bạch thêm
Nời đàn nam điệp vẹn tuyền
Công đức khai tịch 而闢閬 phương viên nội đàn
Viết có nam điệp cho yên
Hoá y 衣 衣 cống cử diễn hoàn 填还 âm ti.
Sở có tế đạo phong bì
58 Hoàng thêm / thánh vị dùng chi tại tiền
Thỉnh Phật công đức trai diễn 帝廷
Thỉnh tướng tị quả vạn tuyền phân minh

Nầy thỉnh phi điện 彩廷 thiên đình 天庭
Cảnh dư 舆辇 tả trụng phân minh tỏ tường
Tịnh dụng hoàng chỉ sảo hoàng
Làm thư đối tả huyết đang sảo hào 对写血当搜毫
Nghi triệu tam phủ thấp cao
Cũng có ba trạng tỏ hào chẳng sai
Phương hàm khả lậu bề ngoài
Dẫn cái 但改 thánh hiệu chớ sai chi là
Nội trang nhất thể chẳng ngoa
Cũng có thánh hiệu lậu hàm như nhau
Dạy trẻ phát tấu làm đầu
Đến 旦 chùng 徽 mãn tán 满散 vẽ lâu 娄 những là
Đến bằng bên hội nghi-khoa
Cụng ngộ mộ tiết vậy hòa mới phân
Trai xưng gởi 角 đang mộ tuần
Thất thất bách nhật hoặc tâm nhị tường
Ấy là thập điện Minh-vương
Mười tuần cũng có bảo tường cho hay
60 Ai có làm nên mười trai
Gởi đường mộ thất 址 tiến rày vong nhân
Ấy là lời bảo 奈 tuần
Nầy lại dạy viết vong-nhân thần-vị 神位
Xưa lấy bốn chữ hoà suy
Sinh lão bệnh tử kể đi hòa dùng

Bệnh tử hai chữ thì hung
Sinh lão hai chữ ta dùng thì nên
Nữ hồn viết nghịch dưới trên
Nam hồn thuận xuống bảo truyền cho hay
Vị thì vô quận 方邑 bằng nay
Phan 幡 thì có quận cho hay ở đâu
Ai có mộ chức bấy lâu
Sinh thì ta chưa viết quận làm chi
Kẻ khó bằng nay người quê
Vô chức hữu quận viết thì tính danh
Thuộc về ngũ tính 姓 ngũ hành
Cung thương giốc [chủy] vũ 宮商角徵羽 phân minh cho tường
Vị cha hiển khảo con thương
Vị mẹ hiển tỉ da nương 耶娘 những là
Ông là tổ khảo 祖考 kể ra 罢 = lão] 考 = 老]
Bằng tổ tứ đại ấy đà cũng cao
Cao-tổ ngũ đại thuở nay
66 Lương nhân tại chính thật nay / trọng hiền
Thất trung là vợ thất tiên 先
Hiền tỷ, hiền muội, chị em chẳng nhầm
Hiền huynh xưng hiệu là anh
Hiền đệ là em, mới lành thảo chi
Đường bá 堂伯 đường thúc một khi
Hiệu xưng chú bác vậy thì nhân luân
Phục vì chính 正存 vong linh
Nào ai cho biết cho mình viết vào
Bảo nó mọi lễ thấp cao
Chẳng thiếu lời nào chớ lường cô nghi 孤[illegible]
Ấy là lời 例 bảo viết vì
Nầy bảo đóng ấn chư nghi trai đàn
Một ấn Tam bảo thông liền
Dùng cho sớ điệp quan đàn lâu làu
Quan điệp bốn ấn trước sau
Đan có một ấn Bán đầu 半頭 giữa niên 字年
Bế điệp ba ấn vạn tuyền
Ngạch-tự nhị ấn cũng biên thần vì

Chính diện pháp chúc dụng chi
244 Dóng liên phong chữ vậy thì chớ ngoa
Lậu phong đẳng trạng gần xa
Chính diện nhất ấn dụng hòa trủ 字 phong 封
Phương hàm sở trạng dòng dòng
7a 248 Dụng chi tam ấn trủ phong hai đầu
Bái sớ thân trạng đâu đâu
Dụng chi nhất ấn bản đầu trù niên
Ấy là đóng ấn đã yên
252 Lại bảo để vị hoàng thiên lậu hàm
Phật vị hoặc ngũ hoặc tam
Dĩ trung vi chính 以中為正 đồ làm trước nay
Nhị vị tứ vị thuở nay
256 Dĩ tả vi tôn 以左為尊 viết nay cho làm 仟
Trước sau dạy bảo dòng dòng
Y như nơi đấy liền thông mọi đường
Tư sinh 資生 thủy lục minh dương
260 Tư độ phẩm thức đạo-tràng chư trai
Lễ mẫu chép để hậu lai
Đàm ngôn diệu ngữ 談言妙語 dạy người hậu nhân
Ai làm tổng cán 總幹 công văn
264 Xem giấy cho sạch mười phần ngộ thông
Tự nhiên phúc hưởng vô-cùng
Một đèn phật tổ sáng 明 thông muôn nhà
Đăng đăng tương tục gần xa
266 Một đèn trăm ngọn vầy hòa sáng soi
Nhiều trai chúng thuở yên rồi
Dù là nọ thiếu hiện mai chép làm

Nam vô Trường thọ bồ tát chứng minh

1/1/1980

[signature]

公文後庭排辦各壇

汲水壇或在家來或在井處用[illegible]在江處

用河伯牒金銀二分桼盤三向宜衣[illegible]領甫白色

冠帶三件卓子三錯火炉一口[illegible]迎牒

焚在井處畢請水[illegible]桼家或[illegible]處畢請

于桼坛如法[illegible]

淨廚筵造桊盎三向冥衣二領[illegible]一枚[illegible]白一

日夜至三日夜寫依如的公文[illegible]

夜須寫為三道太陰一道監齋大[illegible]

畢詣太陰牒焚在桊家處監桊[illegible]

淨牒焚在造饌家處財馬隨[illegible]

布一段糯朱手錢一貫排辦[illegible]

造饌家排辦持灯引前先入[illegible]

畢後入行科火炉一口依如法

次置在桊玹設行科畢詣于厨家[illegible]奉香花[illegible]

至滿散詣淨厨位至先迎後[illegible]如法

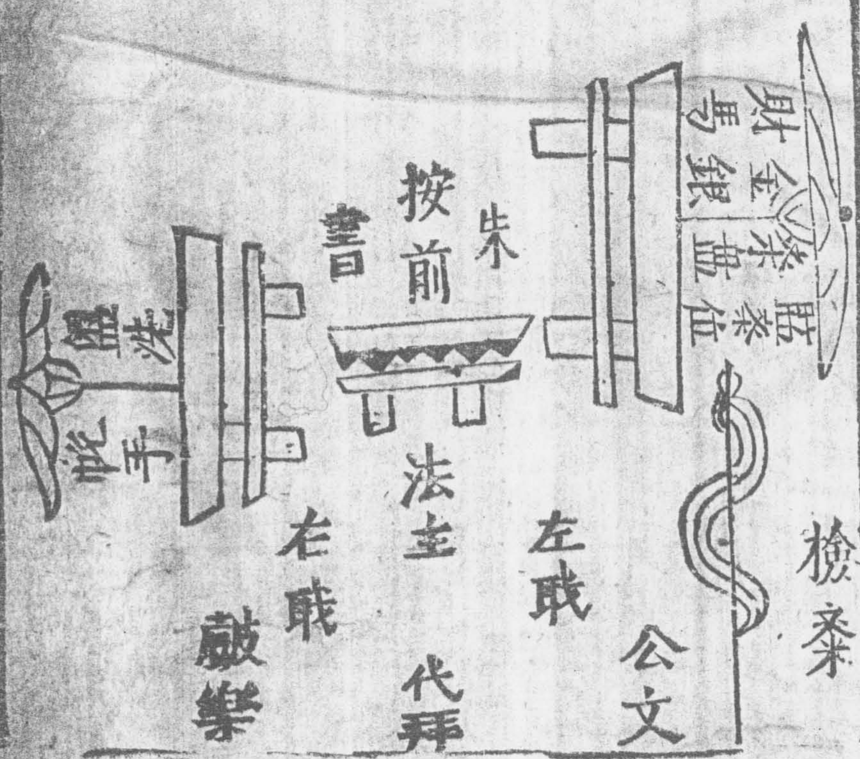

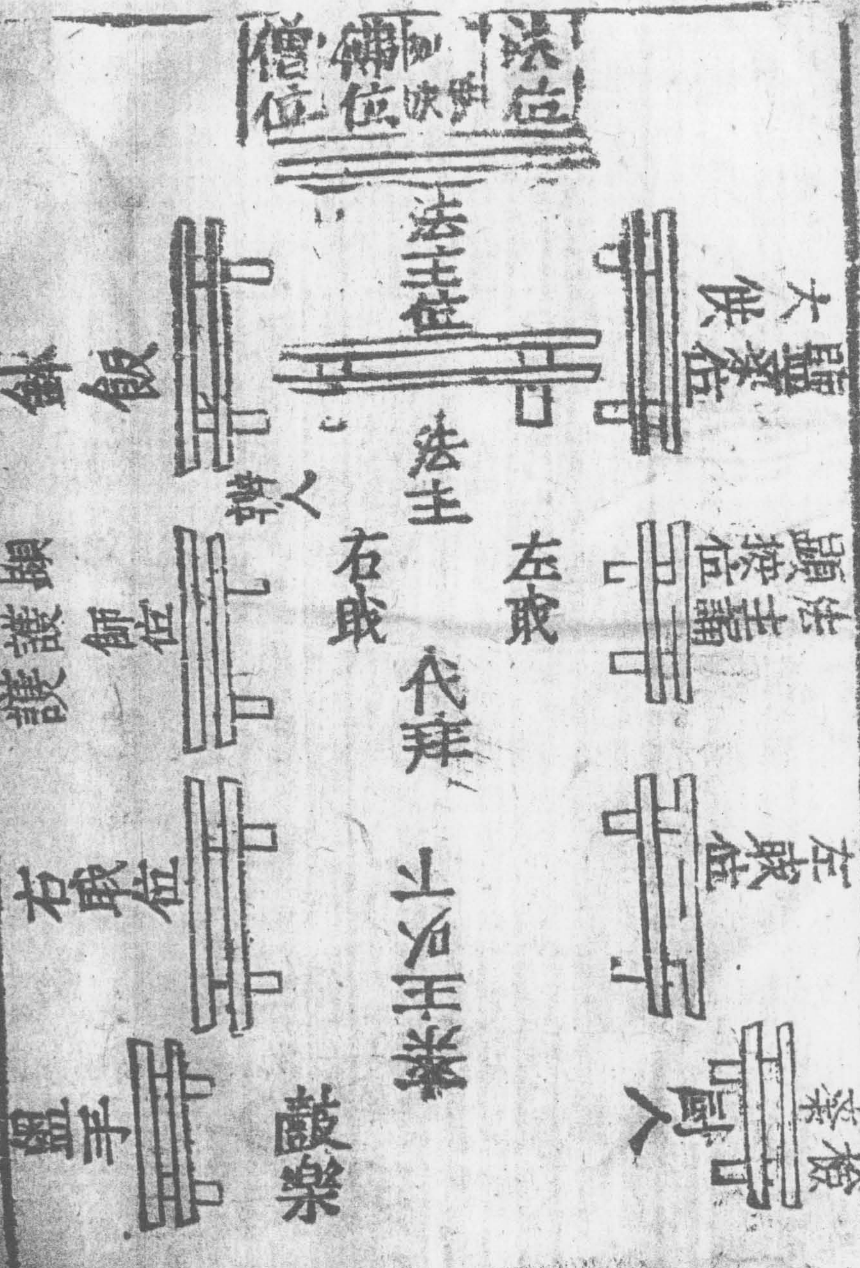


開鉢壇筵衆盂四具飯淨一鉢置在上盂
錢一柄淨花井水一鉢先礼拜行科懺悔
有道場後行開鉢法不梵書法若梵了
飯梵喋者再陳情自覺懺悔本身再行開
鉢法脫梵子飯于喋者如三業不洗大根
六塵不染而性識圓明開者出離之門
鉢者受業隨身喋者參行萬苦飯者舍
法食辭除萬慮千愆若未有開鉢者大
衆自願敎刻至助衆衆主人未淨其身也
自三日至五七九日頭前一日有建開鉢壇

科因緣散四門圖

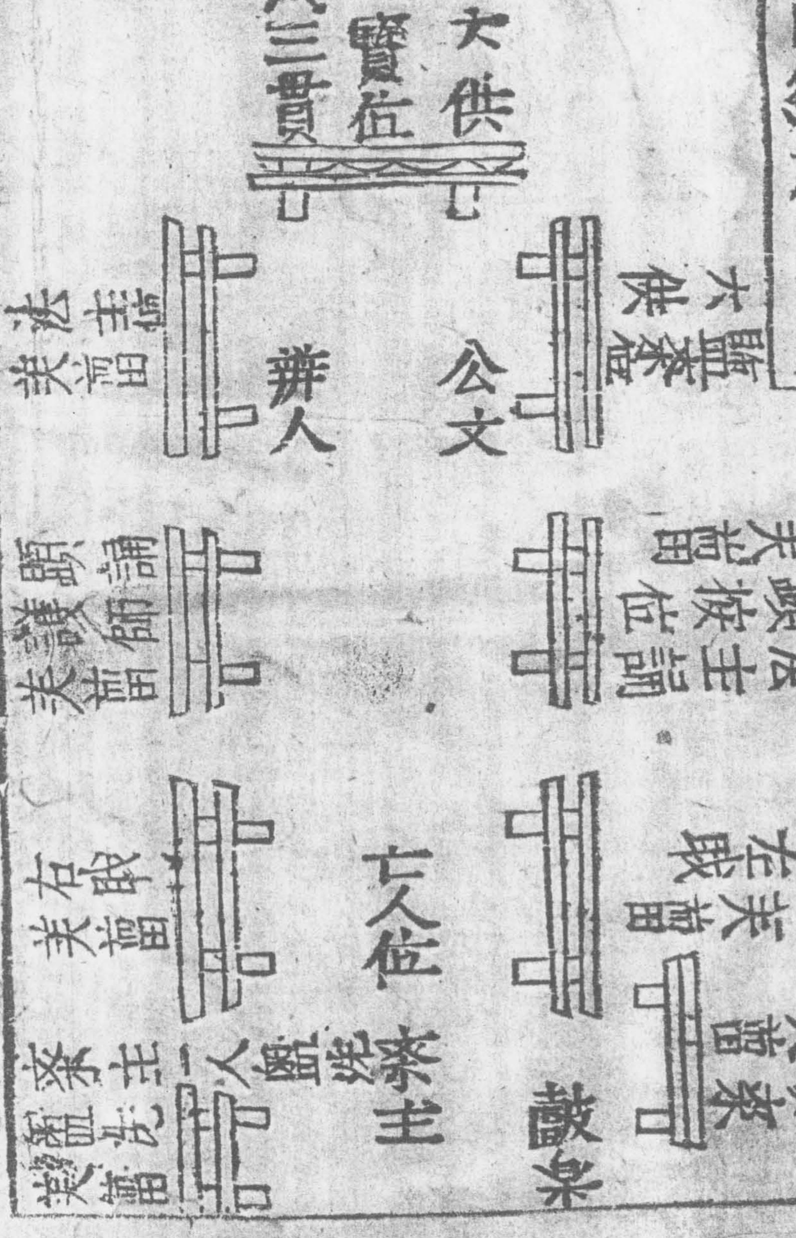


盥洗筵或盥洗䟽或有供僧伽衣帽并十物有供財
䟽先置辦茲香花畢公文畫壹字圖法主初八道
場等行科畢法主道場等者出右边法主初八右
边下請至三寶位拜出左边行盥洗所洗手帨手
念三寶想三星空畢拜監齋位就于左边上頭接及
[illegible]同行如法者就左边位以左戲正伽一
人書表主位行如法復前位禮爾同行如法以左
戲正伽唱盥洗所紅旗一柄用赤絹三尺三寸錢
桌茶湯香錢一貫美蔔是用置在右边歡同監齋
寺遍帨巾原布一尺三寸壇置在請建筵家

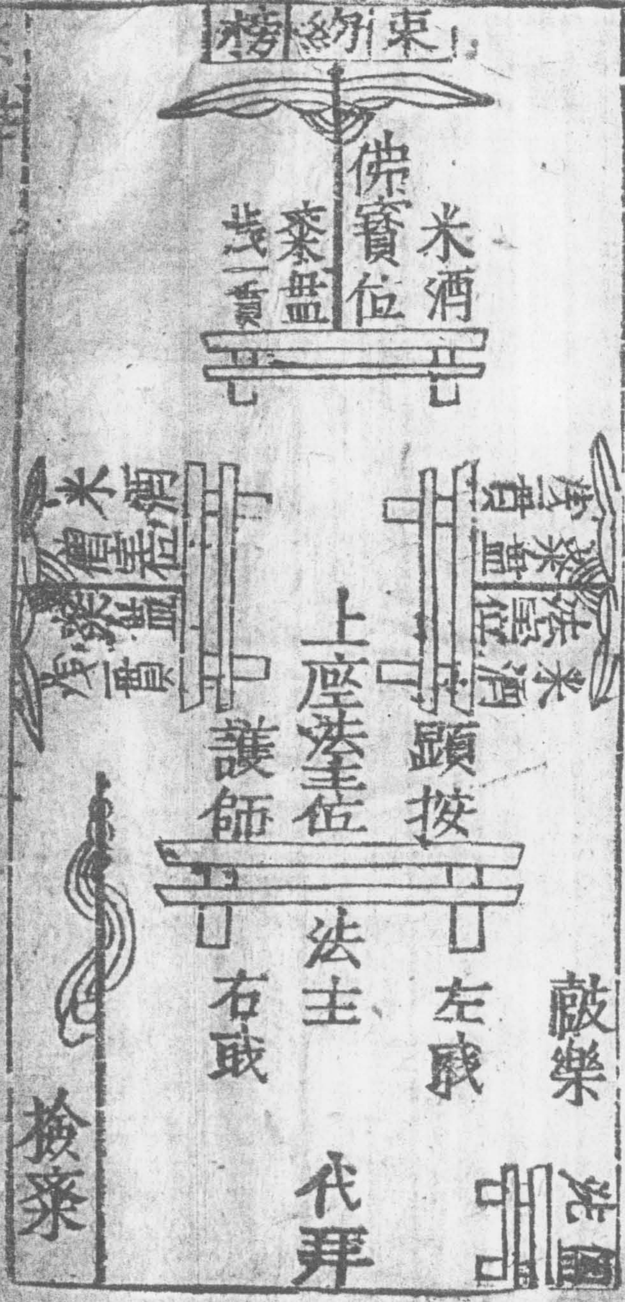


請榜筵排辨七日夜置于請庭筵自三日夜至一日
夜置于淨舍前用桌子三件齋盘三両古錢三貫
法行如儀

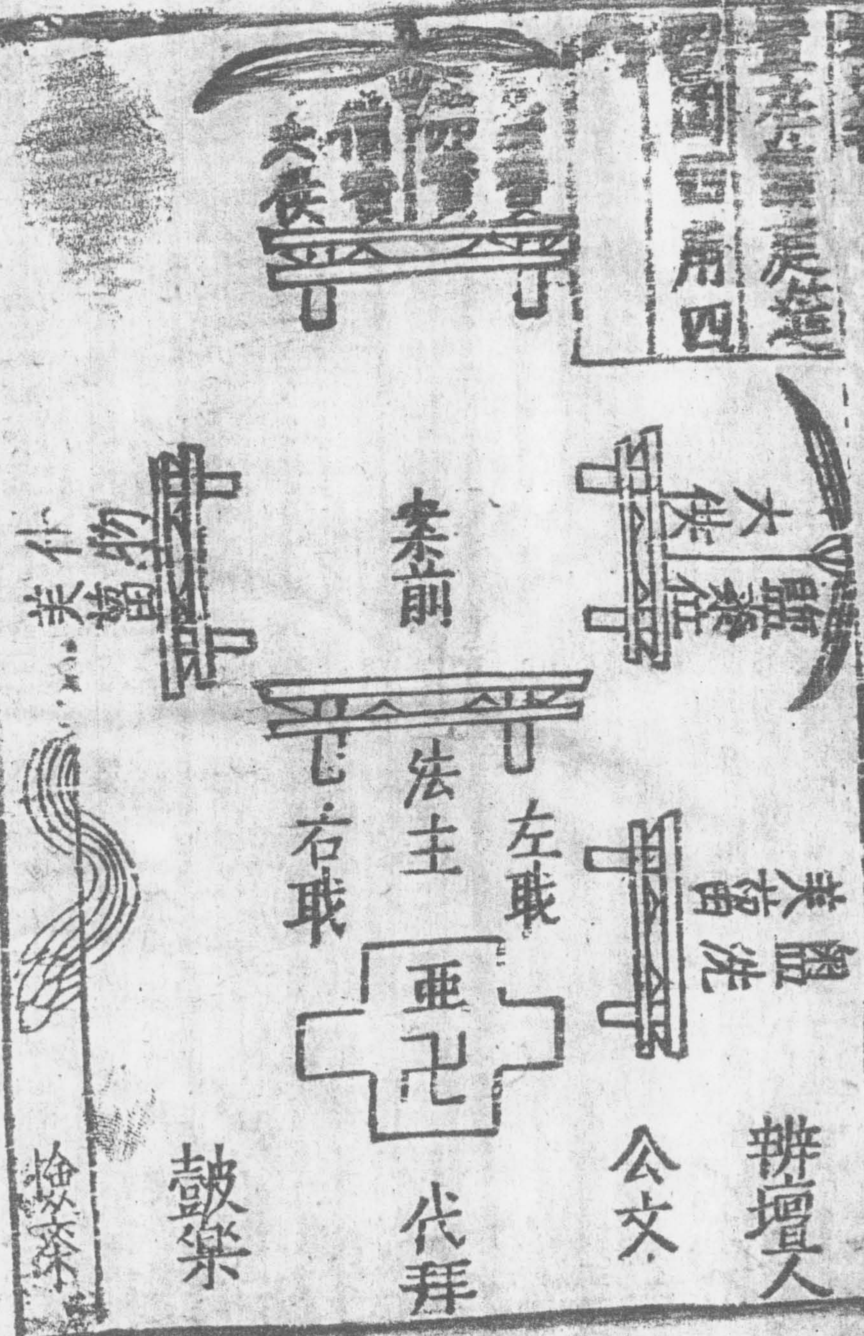

預奏筵前用預奏四位用表大道函大口並用黃紙

朱書白地天狀一張并封皮並用白紙黑字并驗

四道單四道無當境位置于請庭筵四門四角加

法排辨

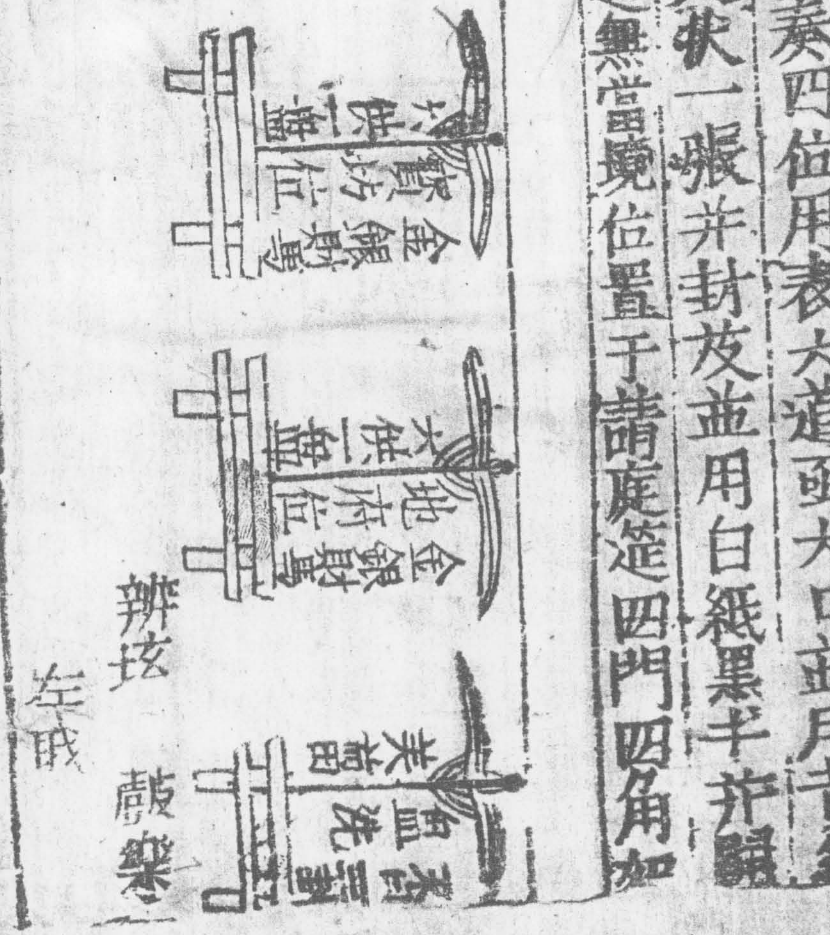


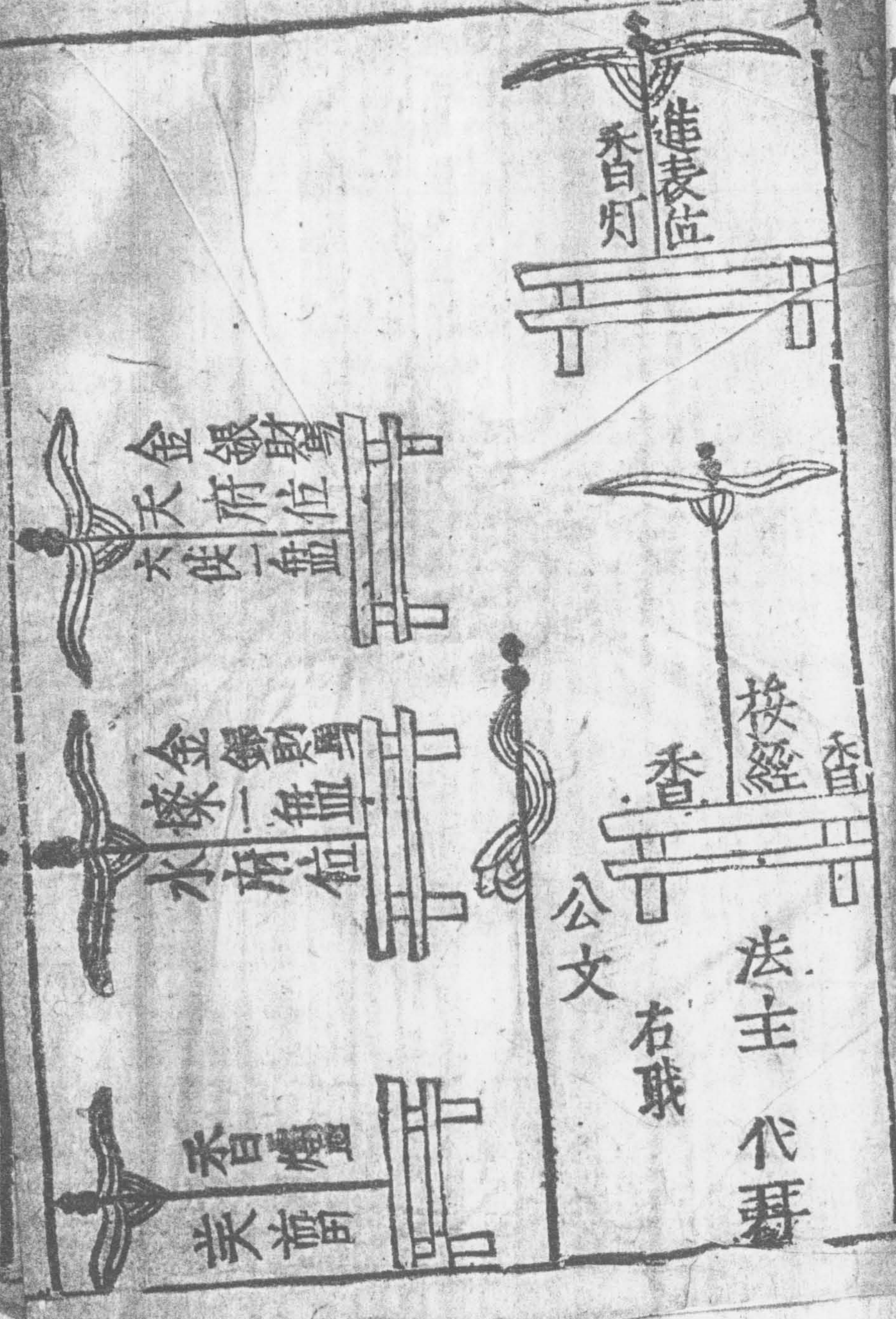

焚表筵先排辦卓子二件案盘一面置于天門方坐向天福方法主捧表盘大衆左行背從左行右行背從右行後引前前隨後如法鍾皷鐃鈸建天法主諸至焚表前法主立于右边向向華盖方来主立于生炁方西边對面背跪案主受表立于中跪請表至額上懇尽情法主受表請至上壇前對面聖前跪置于前懇表畢执燭焚之畢法主大衆會発使者位前礼拜畢

顏奏莪奏　覆表用箱上青下黄一尺三寸

焚表同如法

焚表筵

置表燭焚

捉人　左耽　皷樂

顯披　法主　代拜

辦鼓　護師　右職　公文

檢案

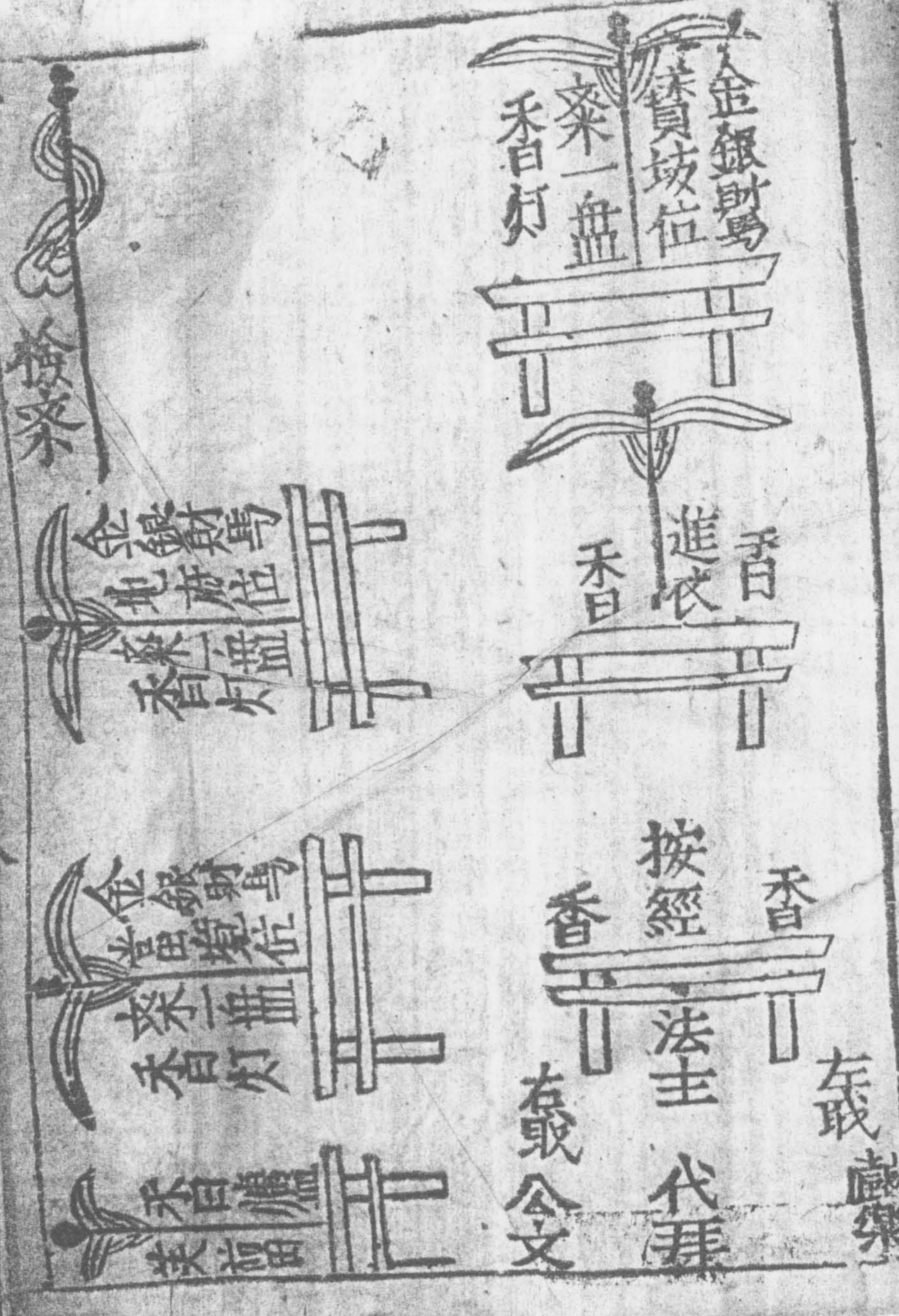




嵗奏筵資度一日夜并一夜間置壇同一日夜奏狀
五函并牒五封申四封牒四道開五道單五道疏
衣五領冠帶鞋各五位五件金銀進貢五位雨傘
五柄椅椅五件菜盤五面次炉一口鈸鐃一雙卓
手八件安排左右置于路天案主捧狀申并開单
懇畢公文請引至本位巡左下右進右下左如法

置壇四角四門
四隅如法

敬奏賞表無遮水陸七日夜并養生薦類冥陽普
三日夜若有預奏時裝奏用狀無預奏時裝奏用
表開五道单五道牒四道用黄絹七尺青絹七尺
覆表精表布白精關单賞表公文一人白布一段
五尺朱墨三硯并冥衣五領包帶鞋五件辦如法

置孩四角
四門四圍

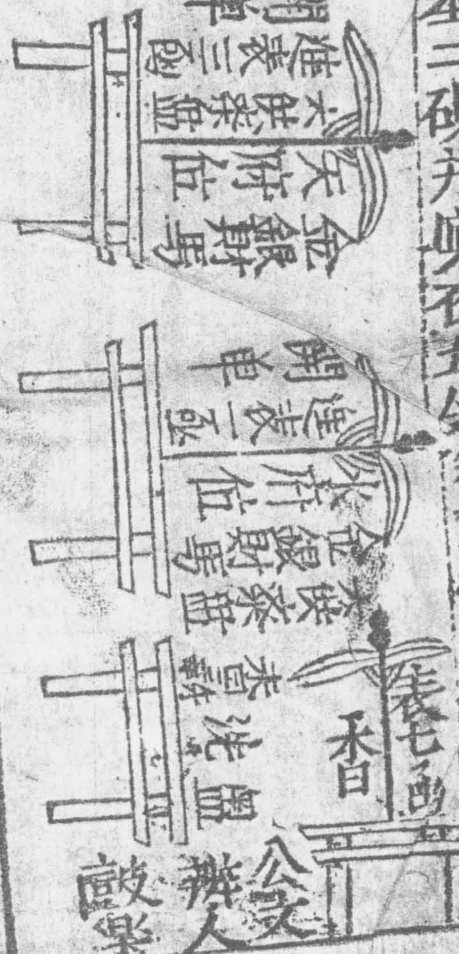




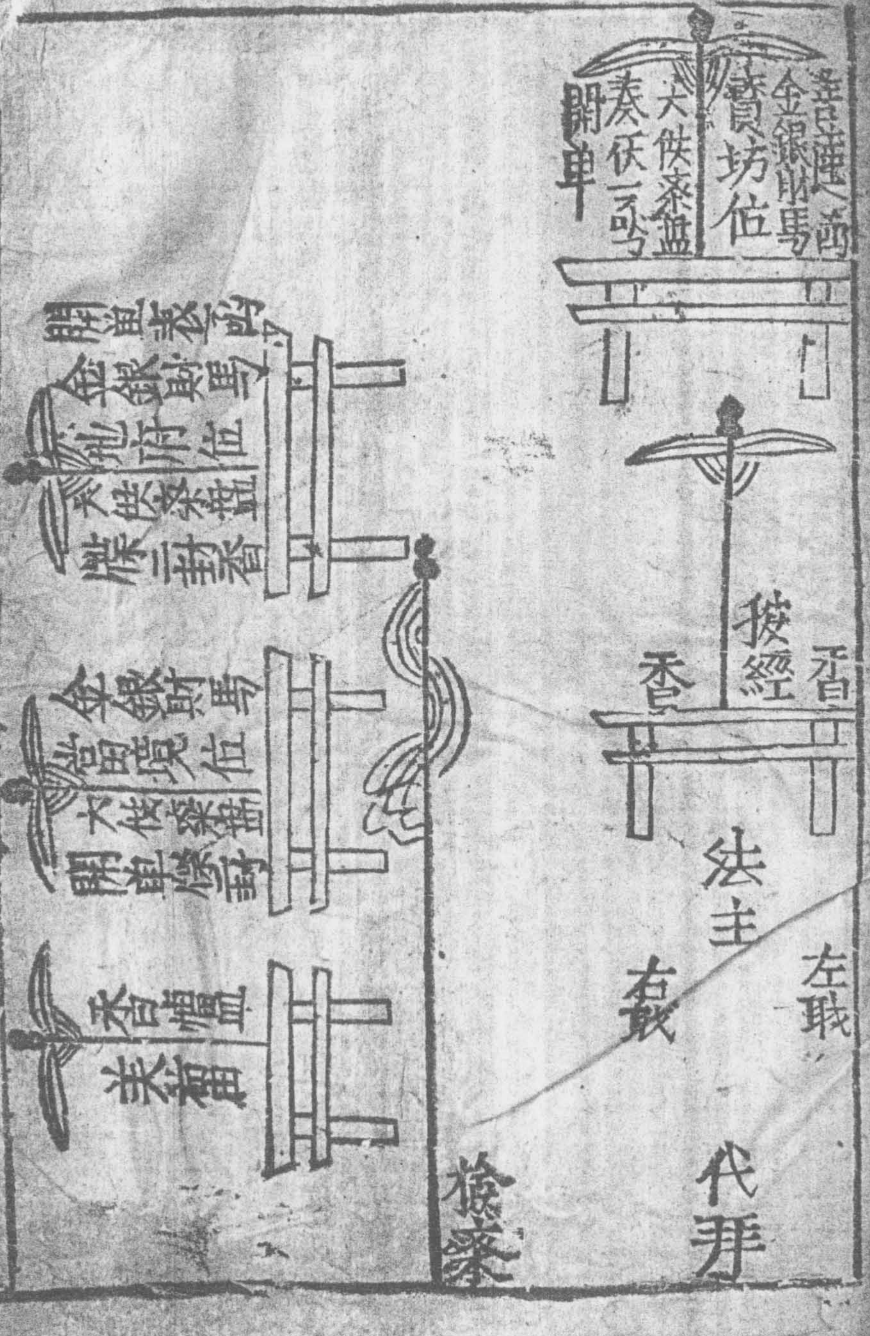

請聖僧辦疏一函自七日夜三日夜用并副本置在
本位若一日夜用疏一函灯二件交辦黄絹橋二
段三尺三寸包頂法主包頂宣疏左戢引前如法
請目連者中元排二位同如法

安穩桌筵安本位右班上紅旗一柄馬一隻
請經筵琅函一件包經黄絹一段七尺贖經一百文
錢經在边江處黄絹一疋為橋如法

監幡筵排辦或天幅方或淨舍熟處天門方散吉祥
錢一百文掬米桌盂一角香花如法

請佛嘗堂請卷天　状一函開旨二道初入
壇法主先就右边大衆顕接立以下皆就左边奉
主皆從左边㨿奉人立左边亡人序法主立右边
亡人床㨿奉人唱奉主就位序立奉表三晝表止
以左戦請奉主行盥洗所復首位焚香俯伏四拜
跪法主行刺血文以右手角舜以左角自鼻至中
天谷取髮中各為血取芋草夫德方為燭焚髮手
圓台中啟曰報乎父母也公文寫状畢詣至法主
位肴過成其状内來還本位拜法主四拜奉主礼
灵前四拜畢再礼法主四拜畢各就對聖前行科

如法○若叔伯姑舅姨別枝同無子繼嗣内孫外
孫別枝所養為子嗣後有鞠無育用向亳天報其
鞠也　黄絹九尺用三橋　帖十一柄右錢三貫

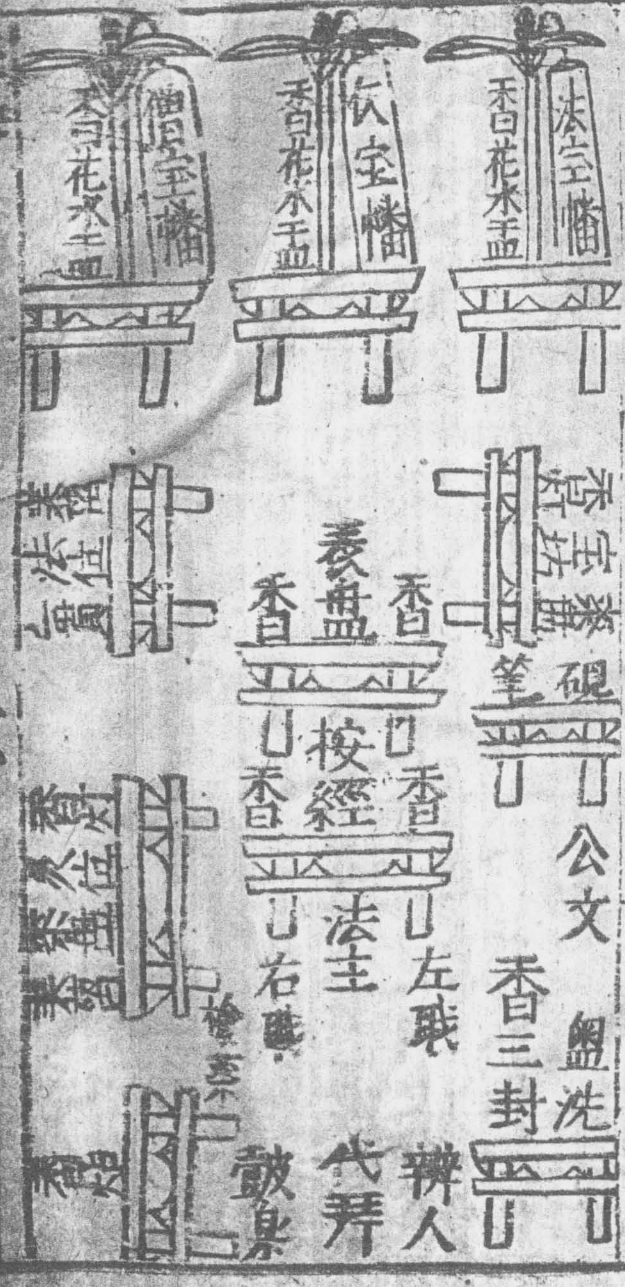

內壇奏堂排辦各位達

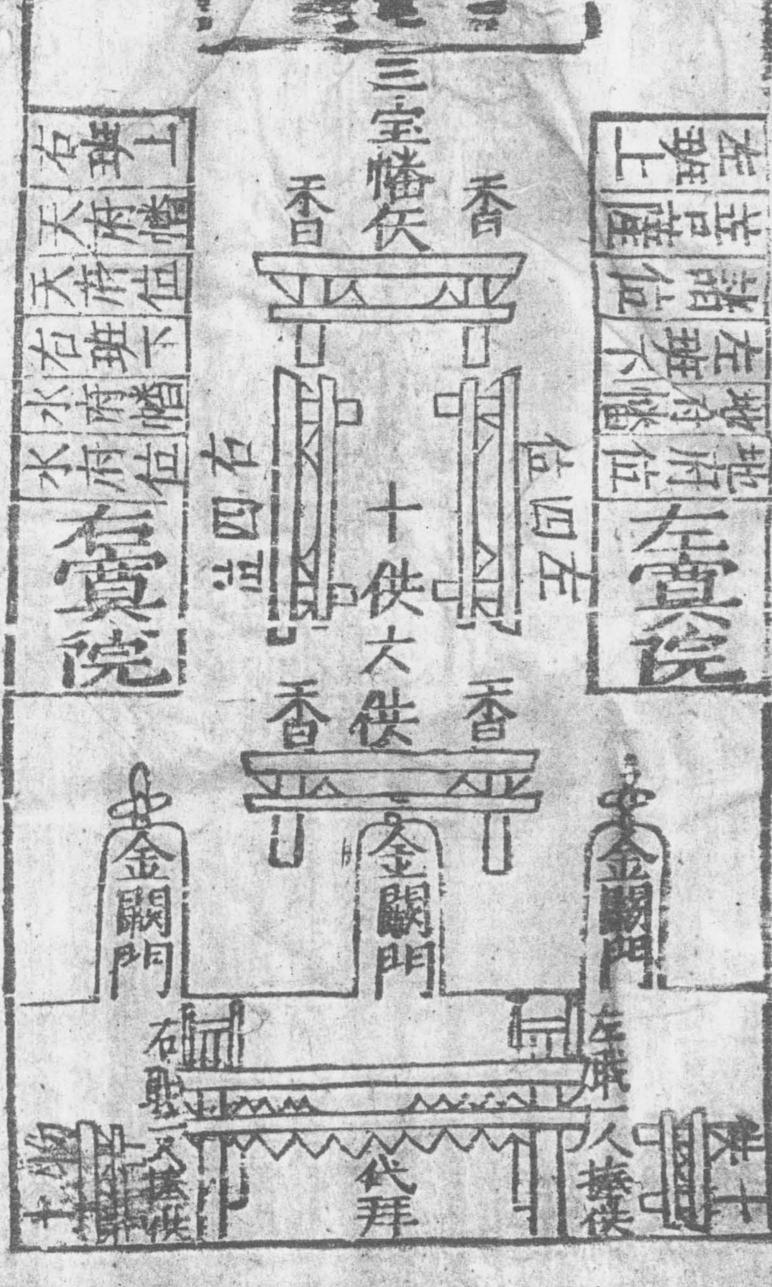


開壇辦牒一封進狀五封寅衣五領冠帶鞋奏盤
大向幡五頂公文隨方請幡詣奏主捧至上額懇
情公文受幡至忍本方伏到神去錢一貫米如法

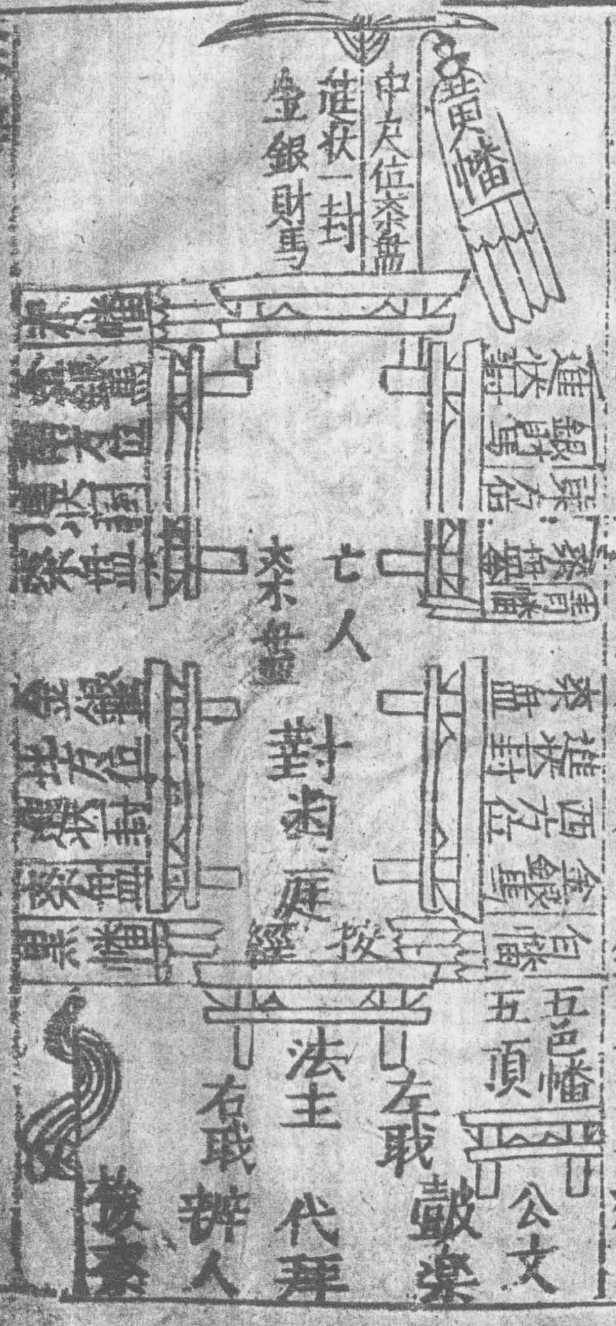

召灵筵擗辯麾化衣一道桼盘一百置于庭筵洛室
向後日光方也䒭[illegible]用木盤三件燭二束故日左
文右䏊請亡人至洛堂洛桼實衣被於洛室前畢
引灵至三宝前叅礼如法

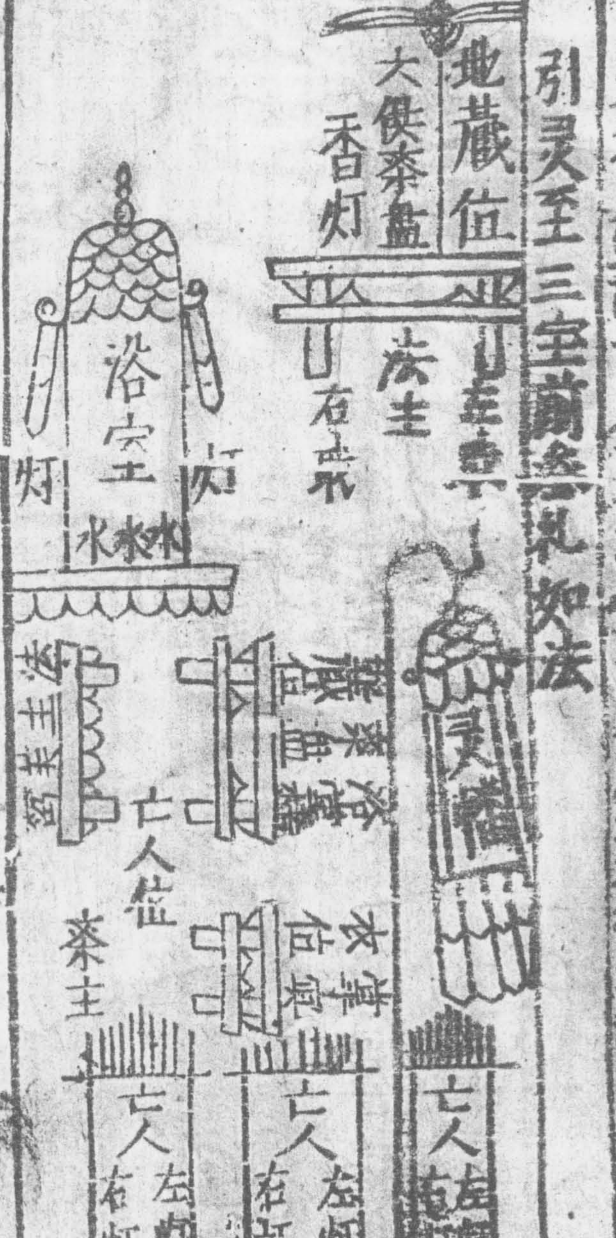


[illegible]三府俟用絹天玄地黄水白鞭駕朱書錢
一貫白布覆藉朱書二段鼓樂鉦央器迎金
撥前叅礼三寶畢引至本位天水上左善薩
在班右住位在善薩下地府上右降左在善
薩下班住位公文引橋辨壇二人持灯炬時
引灯前橋幡引後至本位住處

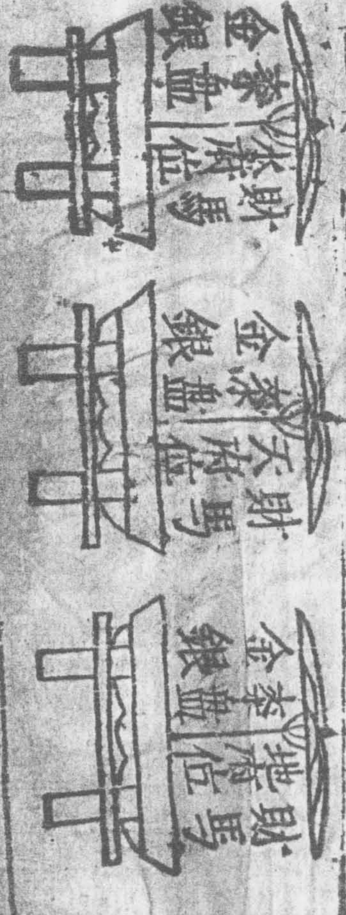

師燈壇辦花茶盤一 一面白布一疋茂黃米三十斗

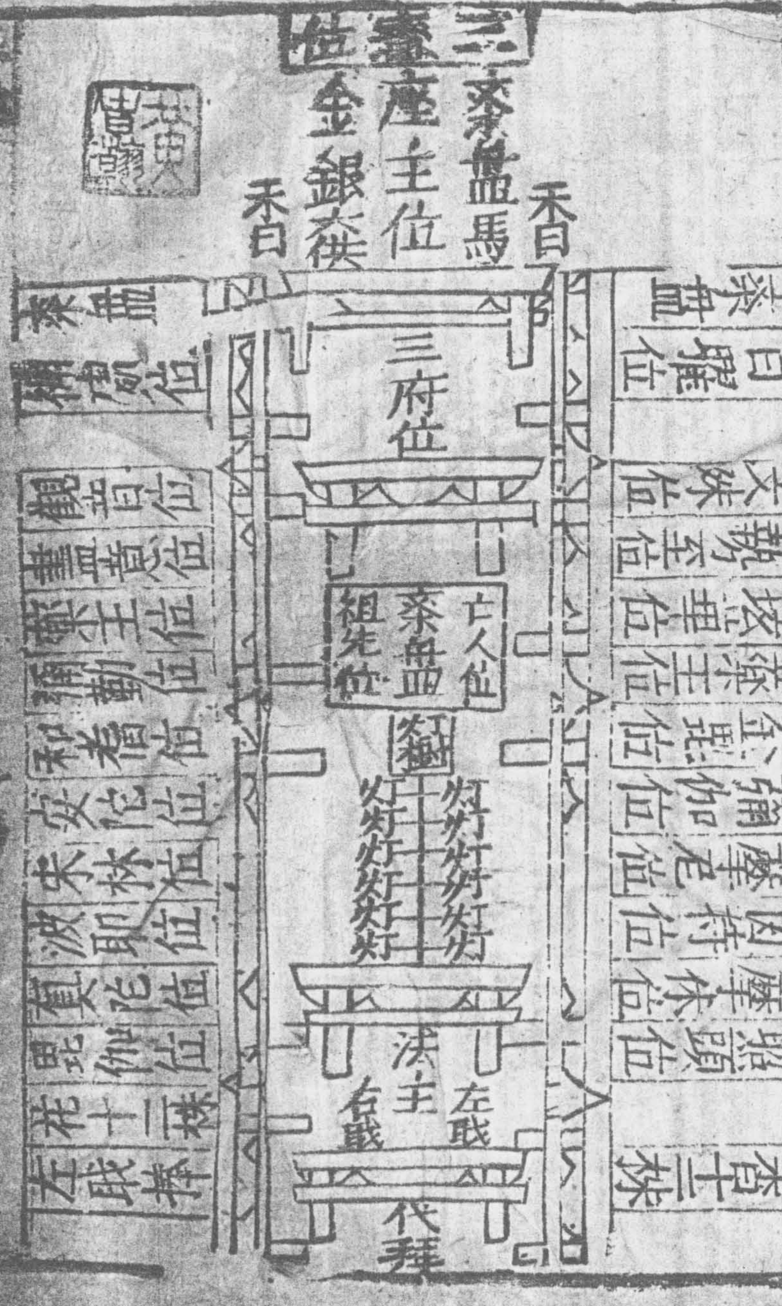


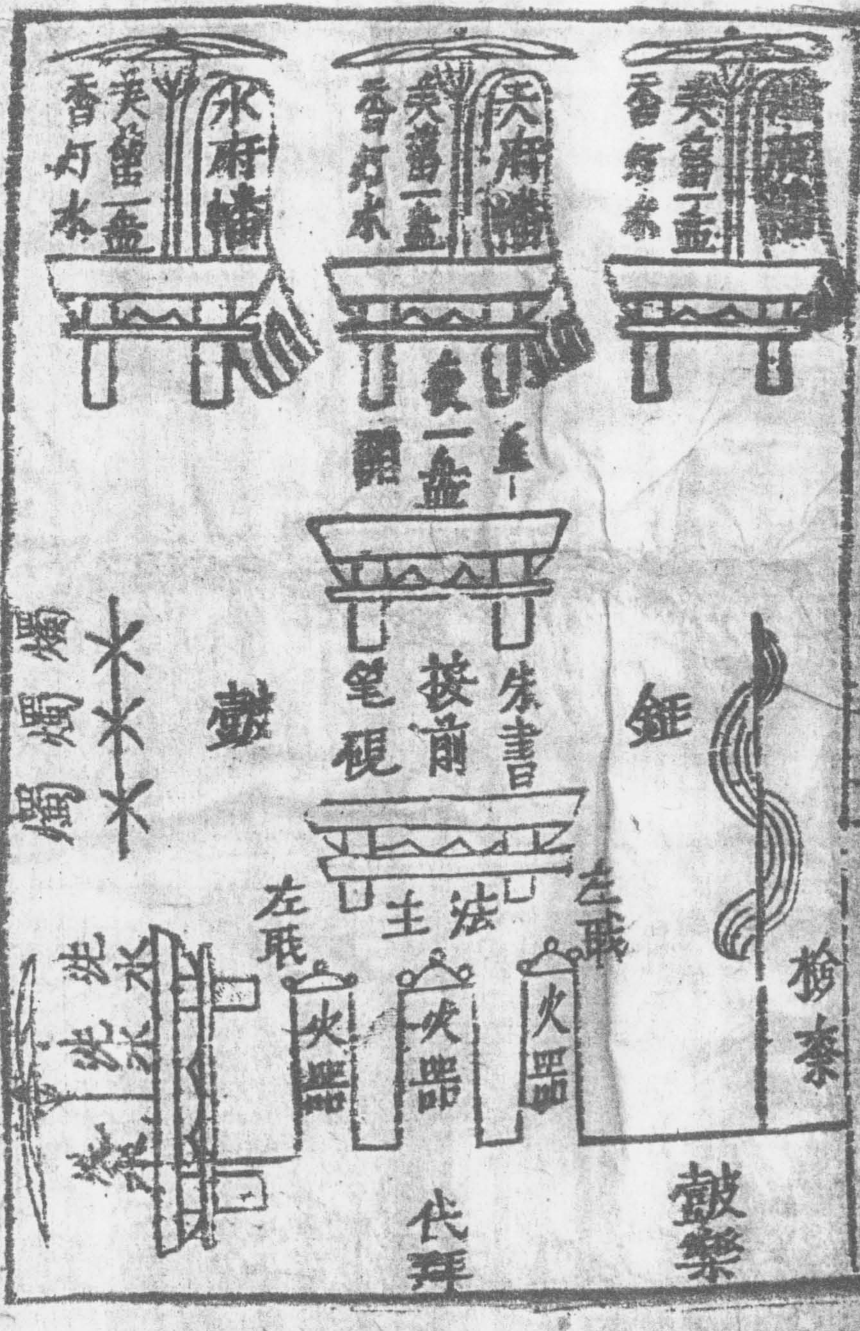

地獄壇辦儀五道疏一通進狀白布一疋圓𡊨鐵鑽
五件桐柱鏡一面銅鍋一口銅鐺一口鉢十五口
燈二十口米三十斗古錢五貫黃絹一段白粉一口
帽七件油一瓶黑布一疋壇置皂子十件四角四
開四門擇日前置壇竝吉沙聚會地獄論四門各
四鼎外有竦籬包外內有簷籬包內四角竝四柱
燈鑊帽一爐如法
置三聖內監地獄
置五方地獄官在五門
土壇辦圖𡊨

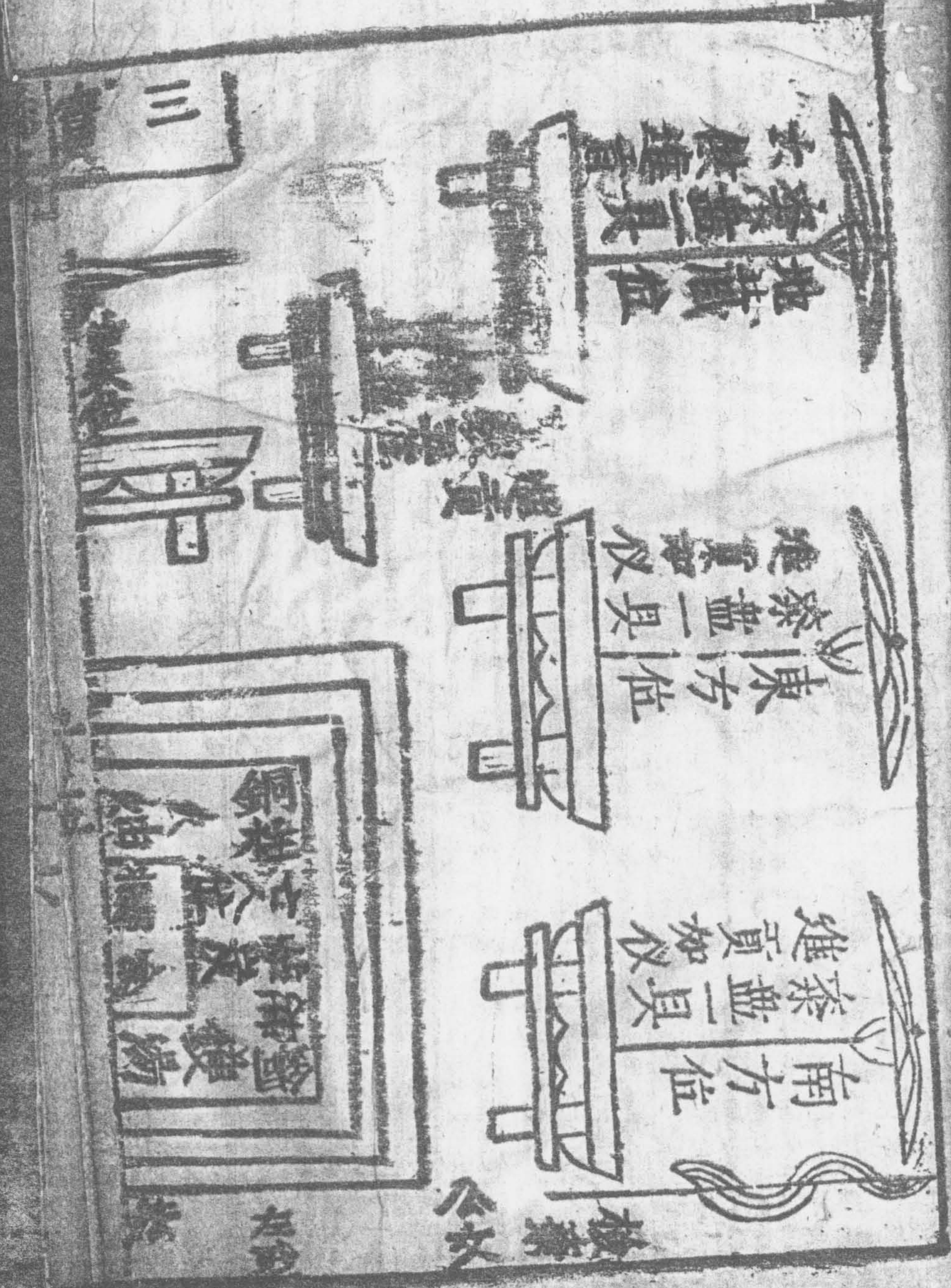

血湖破獄齋暗同知一本

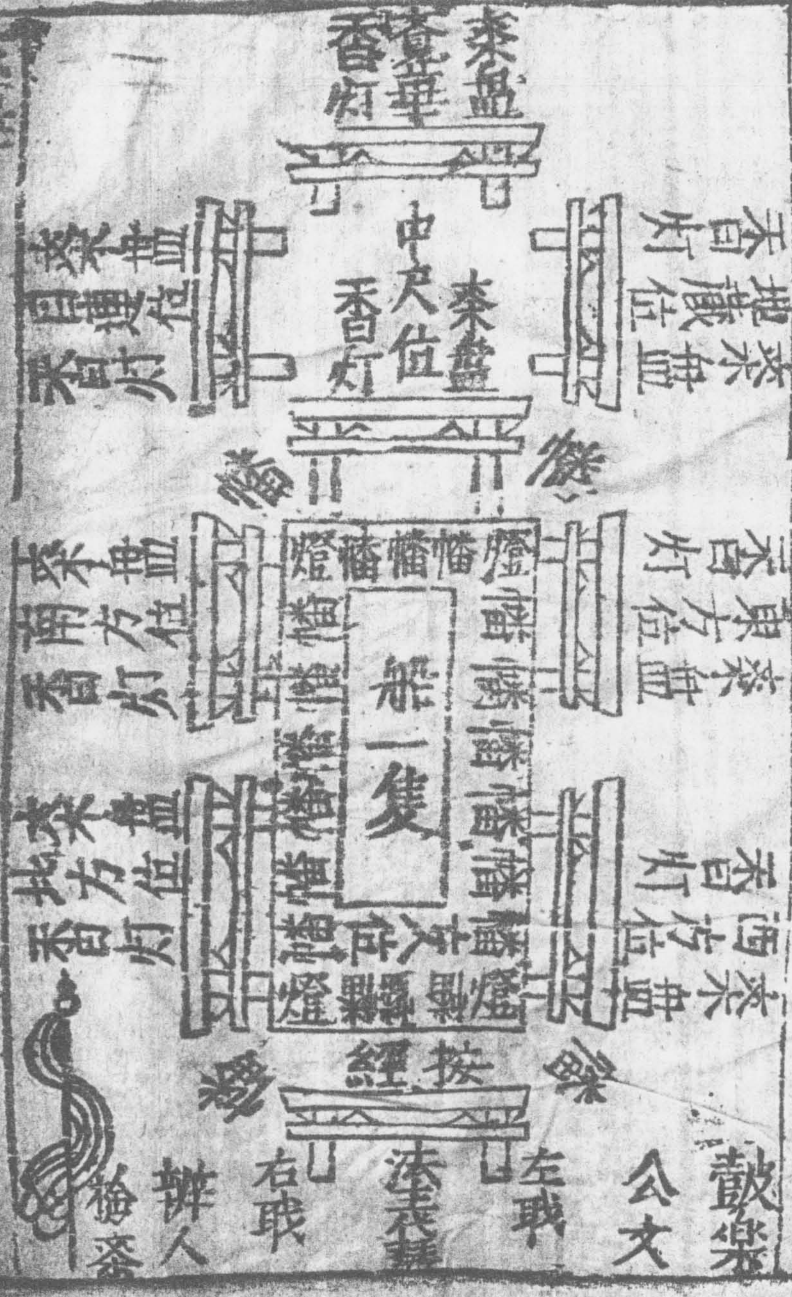


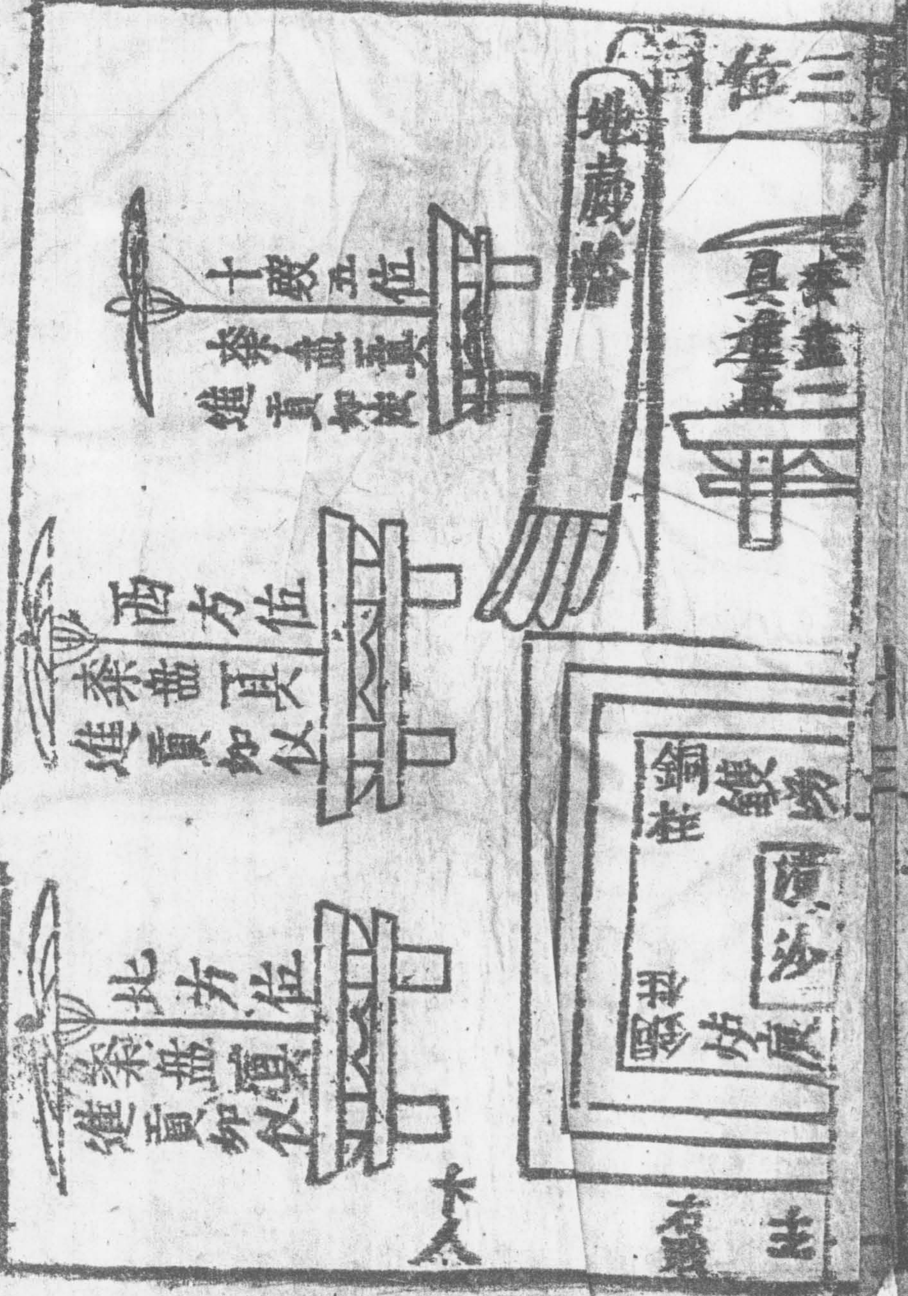

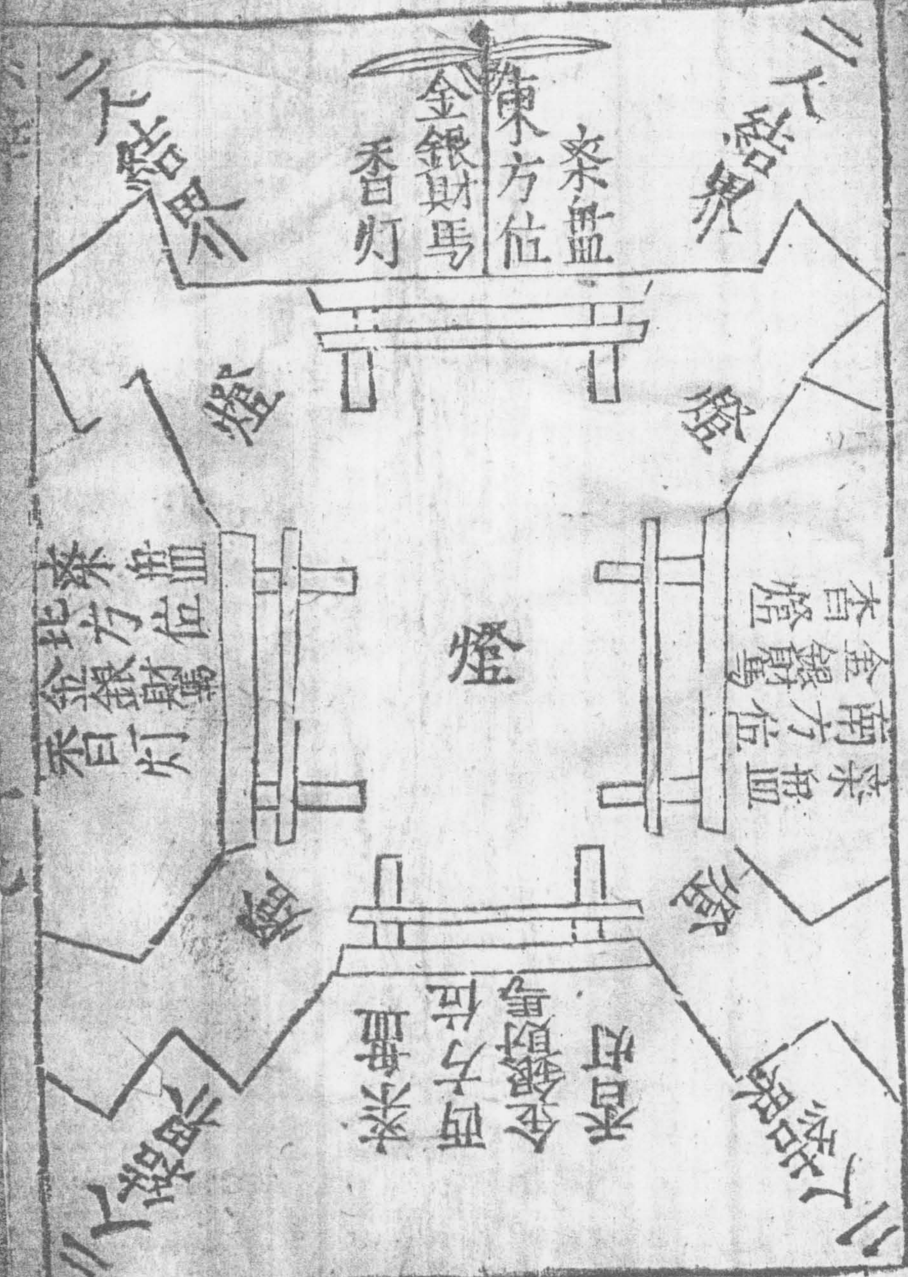


建壇治壇置辦卓子七件白布一疋手巾法主一條
七尺三寸用白絹手巾頭按護師用白布十四尺
分二段包頂風白布正伽二人七尺新鉸一双銅
鑼一口銅鐺一件古錢五貫米五十斗酒五埕羙
菌五匣中筵筵案置壇四天王古錢一貫三人左
戢唱結五方五部天相五方五部灌頂五花如法
先預日置壇土堝一口大土堝一口案盤五面案
衣大五邑五鎮兜帶五件紬五件
先置請庭筵無請庭筵置在案案伕前如法
三日至七日可用

放生壇辦卓子二件粢盞一両小嶠七如來一株錢
一百文引衆生疉豈置於佛前或鷄或魚遇於豈
罹業而救之放也

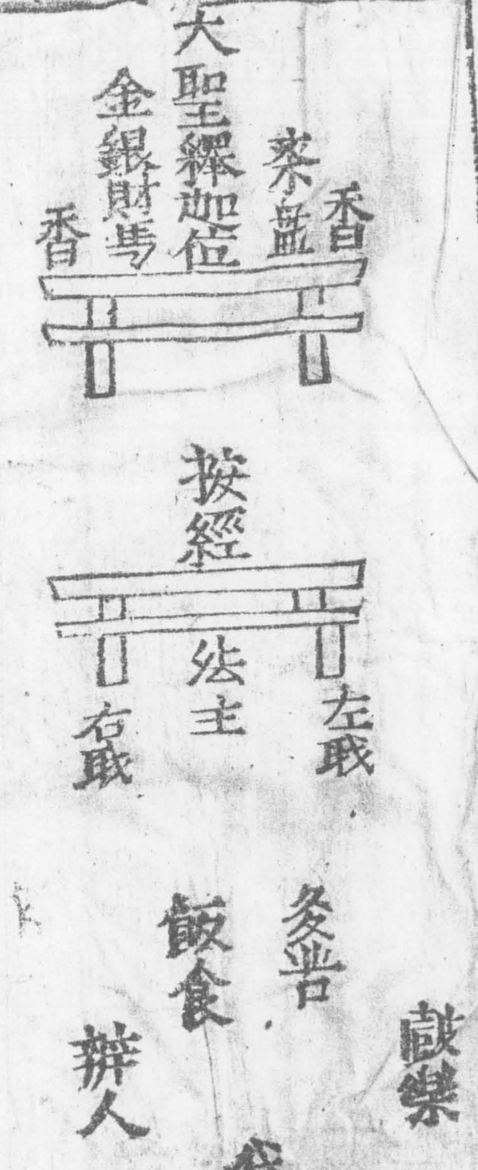


放水燈辦置佛前卓子二件粢盞一両冥衣一領冠
帶用七七四十九燈大用小用七燈七房無遮水
薩一百四十六燈一百四十六房別詣長江放之
如法

表除壇一樹辦置佛前用七層一層七層七燈一層七幡
桌子三件帖一柄作高二十一尺濶四尺如法

鎖完結壇用札物依次內公文

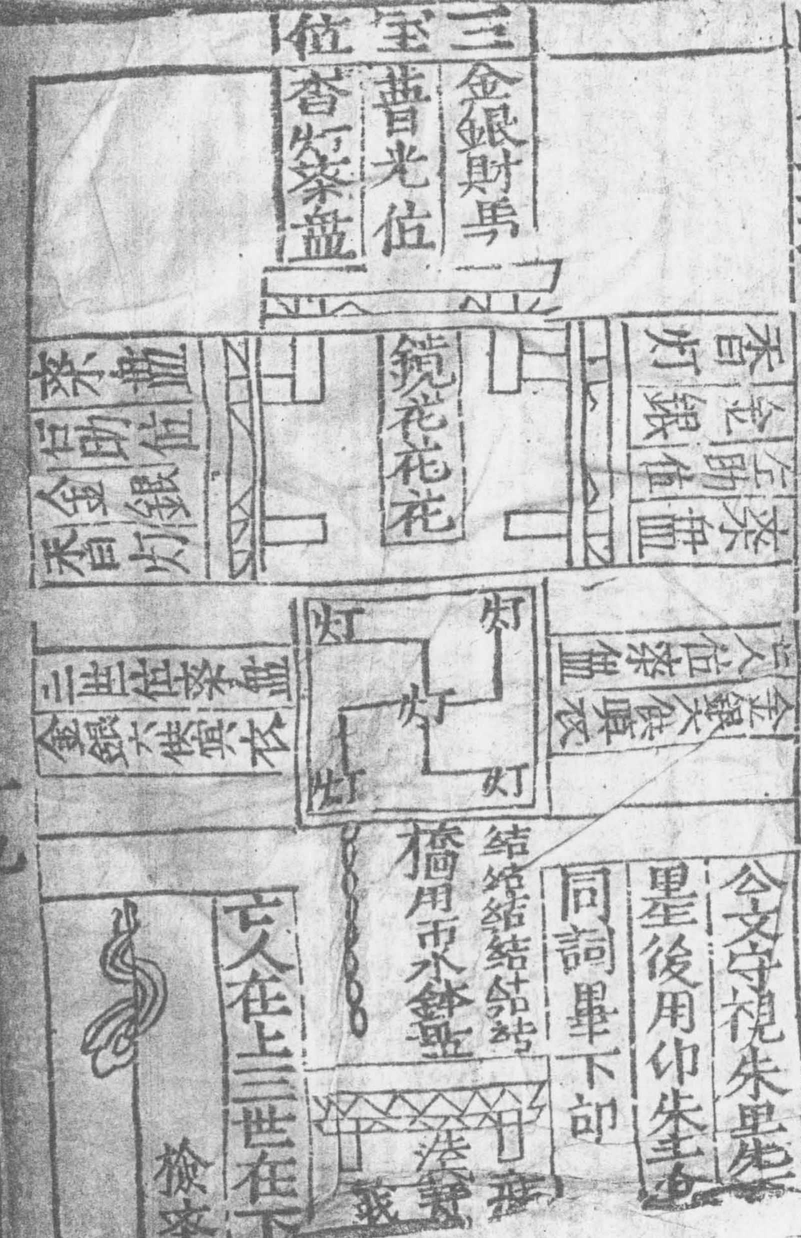

三寶位

菩提傳授戒牒用彌芼紙并畫三室前法主用月輪
印內愁男尋刹女尋座戒月輪也先置菩提牒考
止身功德牒置左身公擬牒置右牒身故曰天有
三光地有三教人有三魂生者三魄死者三牒故
曰成心月也故曰天有九星地有十柱人有七魄
天有一性地有一性人有一性故曰伏有三魔故
曰父生母養之恩　故曾尋光報父母也
文殊動房可用月輪也
昝指嫡成伏也父養母養不成月輪也
五殺不用也

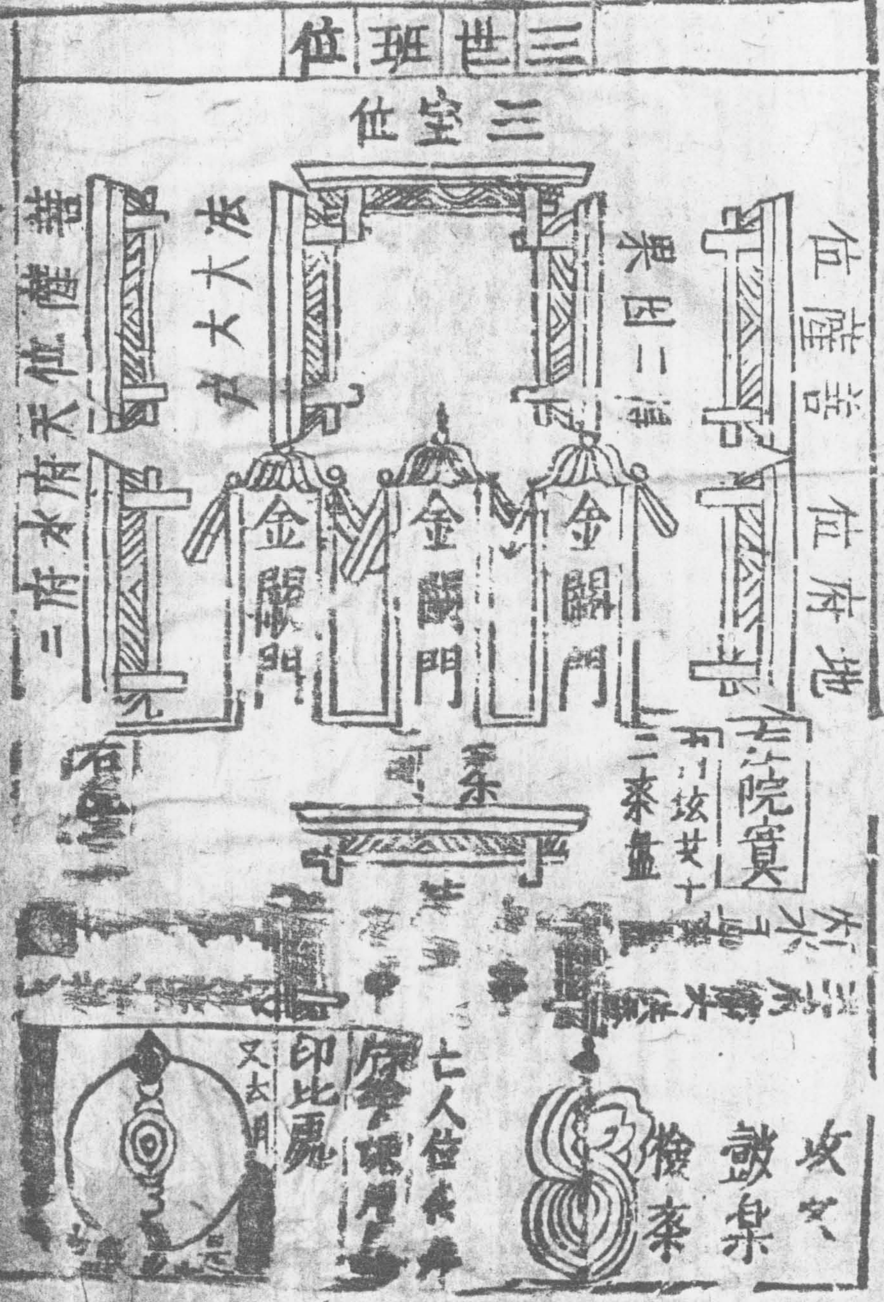


受菩提莚傳戒牒用獨竜絹紙并裹三宝
前法主用月輪卯内想男尋刹女尋空
前月輪也左右二戒開讀攻文貫別牒
至灵床前宣。法主本命属用于不用支
。加持五部所属甲乙木丙丁火庚辛金壬
癸水戊巳土部。授菩提畢迎別三府嚮還
本位撿案壇即返本位。壬子癸丑具甲卯乙
辰巽巳丙午丁未坤申庚酉辛戌乾亥
以角五股父向師角上房。向目以杏五股為中卯以
水盂覆之戒卯也。有持戒用菩提無持戒不得用

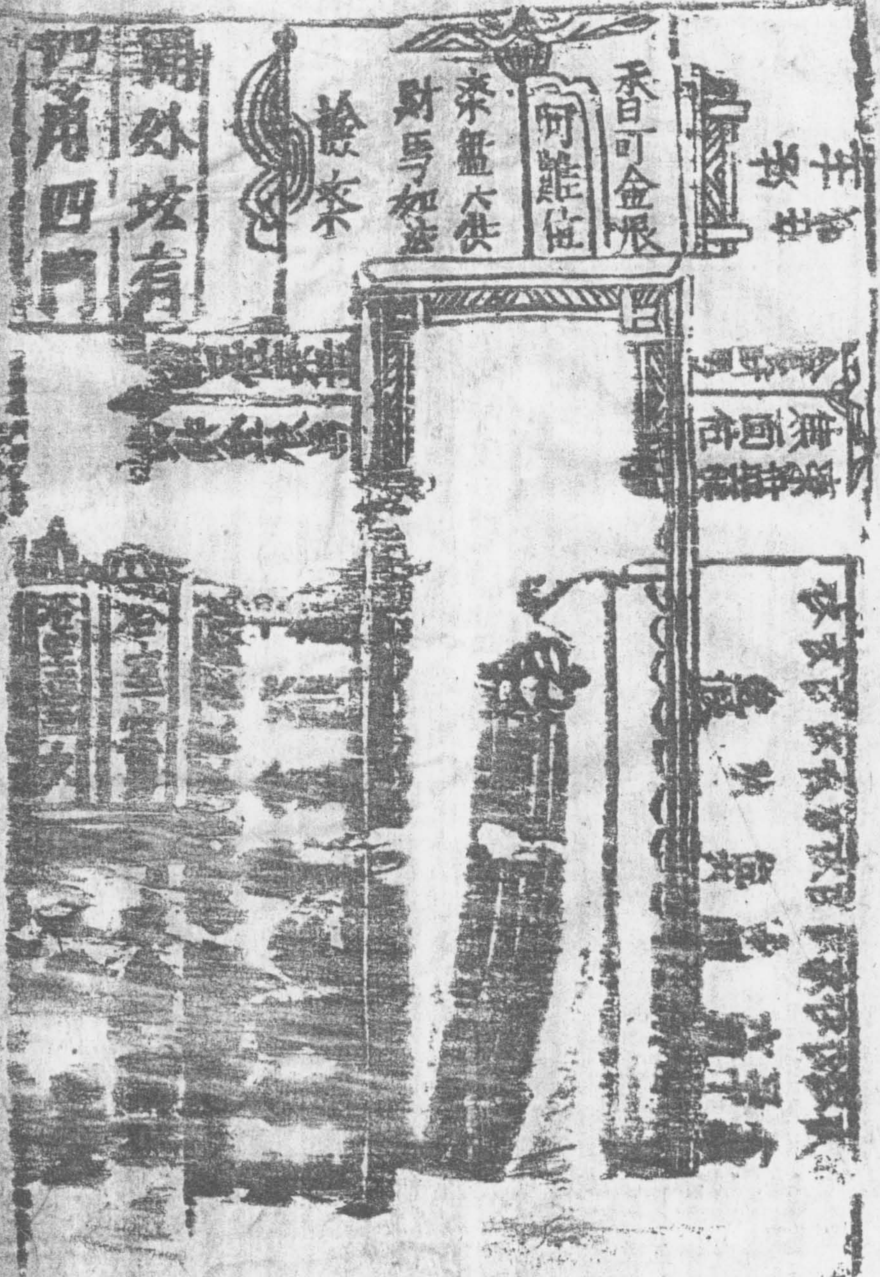


召孤堀侵用夜時壊召孤堀[illegible]甥道用衣
東艮方陳設物卓子三件木等二件衣
椅三件并愣附香案并瓶一付各室二座香
水盆茶盃盞三面斛食四十九幡四十九條㻌二叶
大供足用真衣多已件領一件裳衣并衣鐺
帽二付紫朝衣并冠帯鞋三双十雙色男女
多。召孤堀至茅化真衣[illegible]茶[illegible]三[illegible]孤堀
旛至矢前去禮三宝三[illegible]飯[illegible]前[illegible]召金
阿難位前左右唱議[illegible]斛食說[illegible]筵
明日不可用

大道筵[illegible]
用真[illegible]大[illegible]
件[illegible]筆一二一[illegible]
壽五[illegible]五[illegible]
壽各五倍[illegible]
桑一五件鈔襟各一五倍[illegible]
斤鑊鏈各一五件易一攤饌黑瓷一竜舟中位[illegible]
鉦大聖真相一僕高一尺一五寸　三界撩剌大夫一[illegible]
高一尺二寸　十二時辰十二相各高十寸全立
瘟神　五相兂首人首馬　首牛首狗首一五人身

尺二寸。稍公一相高一尺二寸。火面人首神一相
高一尺並立器械：什物各五件大小赤旗共十桐
五色旗共五色桐同扇二柄黃傘一柄竜舟中排位
竜舟長七尺闊二尺三寸。法主遣船ム日送ム方

竜舟一隻五方五旗五色長用五尺

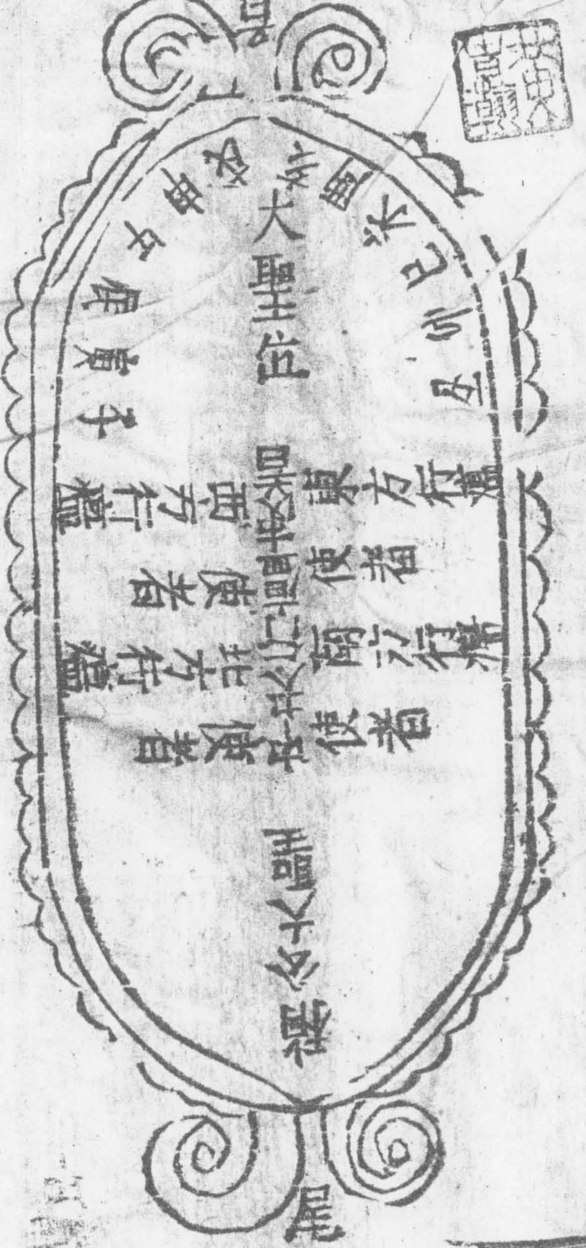


天輪燈圖未向安上八位星有九位藏一

[illegible]燈圖兩面安大道位法主先乾壇前至東北方
[illegible]蘸時速三匝以左手點燈某日某星起在某方次
[illegible]壇點生。九作燈炬一棚炬一尺燭中炬位尊一
天高二才以灰規作圓坛圖四内置五十盏燈以
[illegible]叠作方壇開四時内置十六盏燈

五十三口燈

地輪燈圖法

二十八口燈

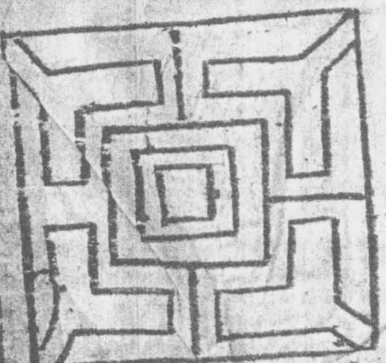

地有 [illegible]
天有 [illegible]

九品蓮華九層一層十八像佛觀音勢至彌陀荷
亡人上金階若柔與九品不成柔是迷歸也先置
卓子二件白布一疋　用青蓮華伐度橋引亡也

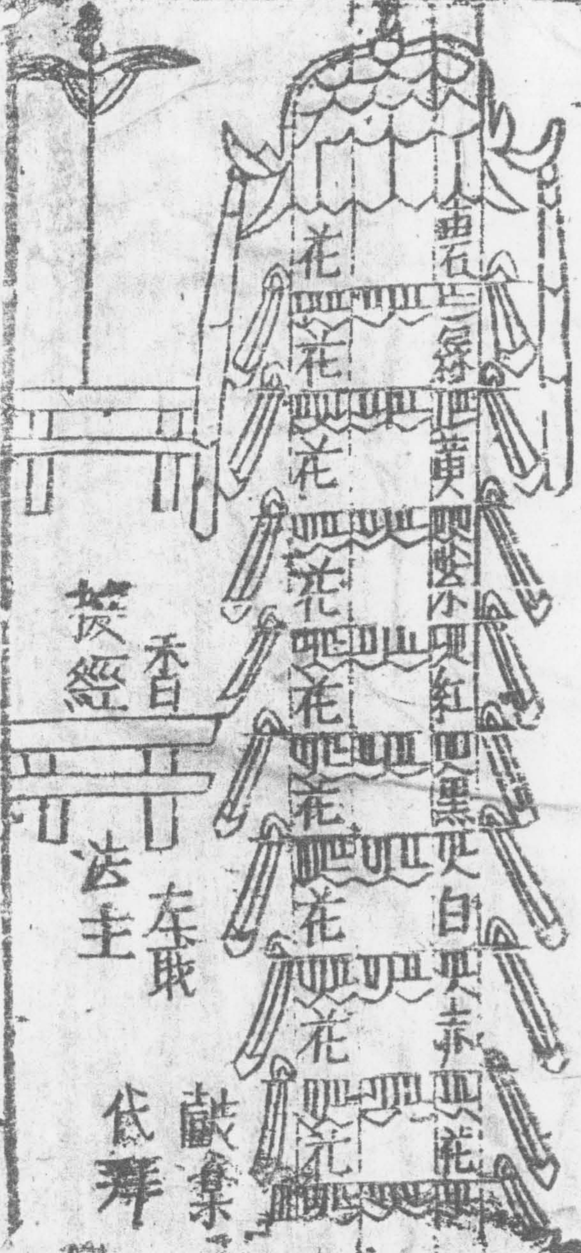


○部會壇物料

集壇一座或八角或四面有欄楯扇墻外陳離內密

辦料法

鉛鈸一柄　鉛錫一柄　六八刀二件　鉄鑢二件
中刀三件　鋑刀三刀　利刃鋸二件　鉛圓箕二件
筆墨硯紙各件大磬繩五十尺小麻繩三百尺
鉄鑿二件　太銅鑼二件　鉄箭二双長一尺二寸
鋪白疊絹三尺廣狹量故寶蓋一頂廣量故卷竜面
大明鏡九面纓八道用五色絹每色十尺香水一盆
塗香一盆四方逐色幡各二頂東青南赤西白北

黑各每方二項中央黃色四項四角雜色㭆四十
項掛上若掛下無四両鈴珮各四株並長短量䇿
用銅錫大賢缾一口用錫爲之塔𢑽香水五鉢鐼
伽瓶十三口或富貴者用銀銅錫或庶人者瓶朱
爲之五色綵纏䇿三匹各一盆白粉一鉢
新筆一柄候畫䇿包闕伽瓶幀手三幅各長二尺
用黃絹大明鏡掛䇿二十四両
五味香 沈香 白檀 藿香 龍腦 酥合香
各五両 ○用五寶
金五錢 銀一两 珍珠三十粒 珊瑚十粒 瑪瑙十粒



用五藥 人參 甘草 川芎 蓽豆蔻 白豆
各五封每封一两
用五穀 黍稷蘇豆大麥各五封宴領五支採錢
五貫爐油密酒四物每物五瓶白米五圓瓮
以外鎮信物用
聖傳法服 柔皇法服 英公法服
裓衣二領 瑜伽二頂 袈裟二幅 五字二司
羌䰟二反 扐鸖六尺 桃扇各三柱
赤朝衣一領并金帶

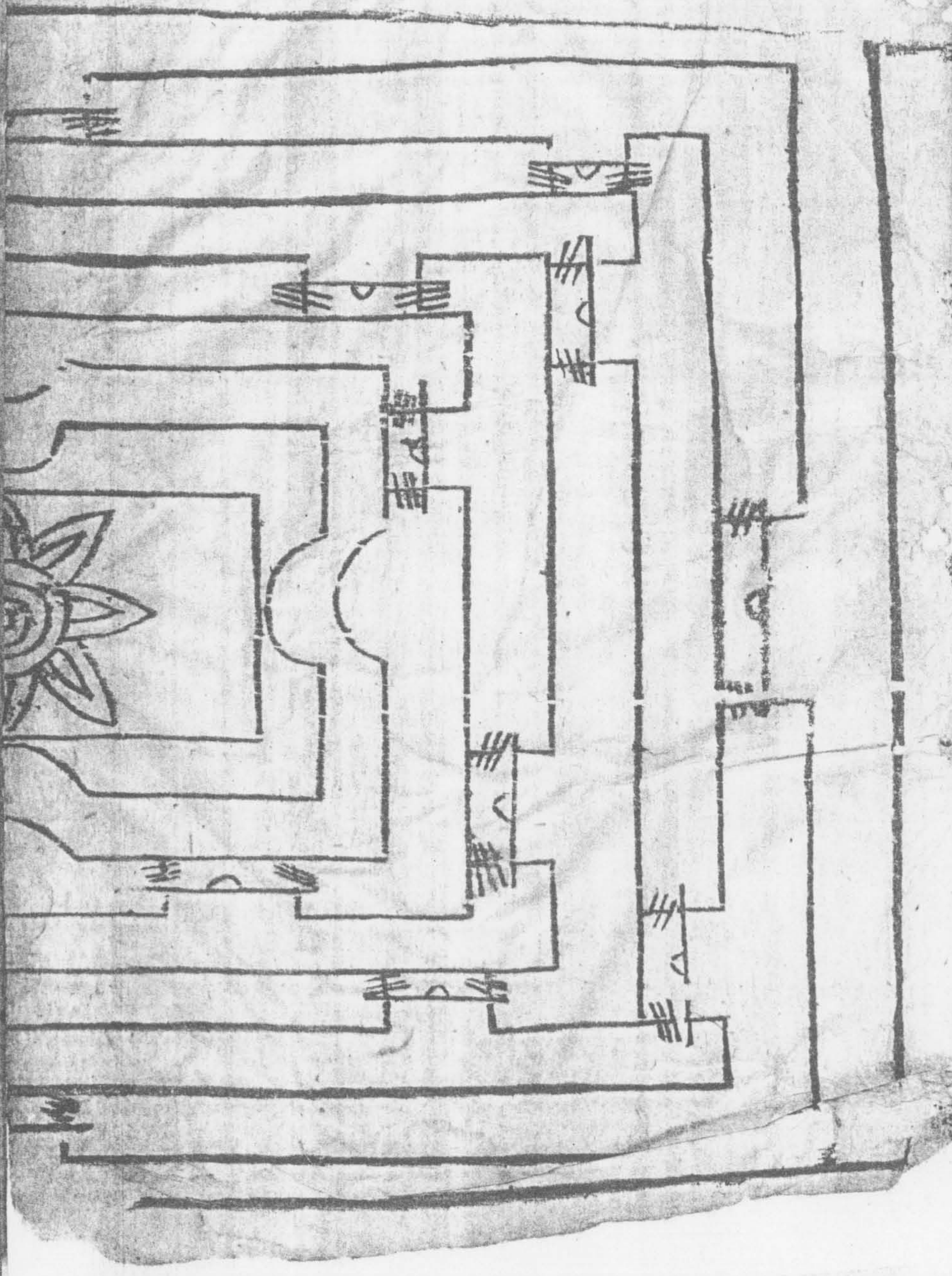

文都會壇儀用七匝為則且廣地量之若狭地界
用五匝或三匝亦可斂之為壇若作不成苟且有
累是故謹券
外匝
次一匝金剛力士護持　次二匝神仙相立黃蓮花
次三匝二十八宿坐蓮花　次四匝諸菩薩相坐蓮花
次五匝娑子獅子會同　次六匝金童玉女紫蓮花
次七匝諸天聖賢衛壓壇中大佛世尊拒
五倜捎墒姣荷見男女進花一百大十人
壇七日天相相公左門壇　擎月天李相公存門壇

增補毘尼呪 入寺呪 先三禪指若入寺

當願衆生 升于上堂 安住不動

唵阿密栗帝吽𠯆吒 三返

持外珠呪

稽首皈依釋迦文解脫有情調御主能宣無上

法王城成就無窮悉地 。 浣衣呪

臨流洗浣莫庸八衆衣壹衣垢不中上下鄉單

薰炙身心動念肯銷鎔

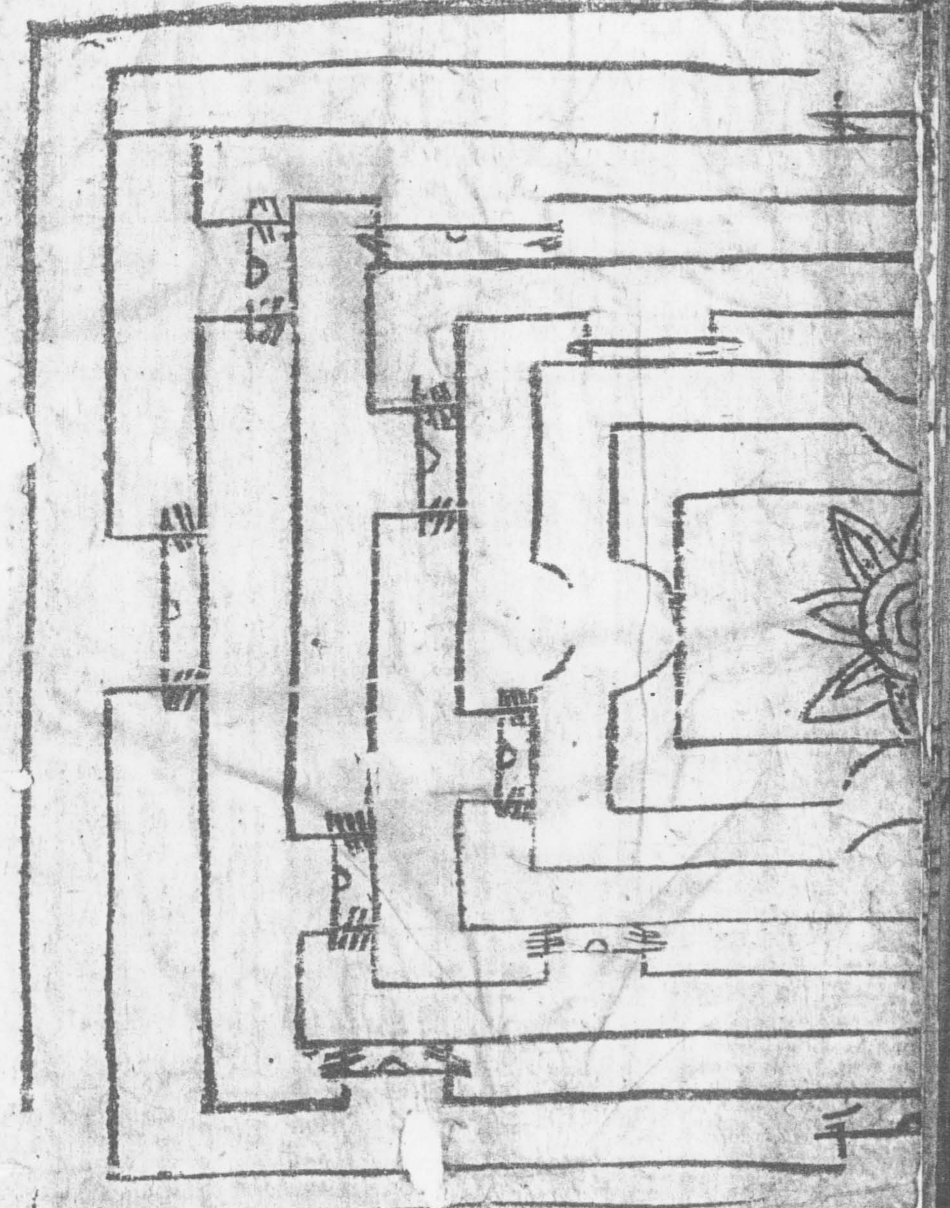

南離垢地菩薩摩訶薩

季鐸咒　擲擲鑊蛾頭　昔日与無為

後來成法器　功德不思議　南無釋迦牟尼文佛

漱口咒　漱口連心淨　連百水花香

三業恒清淨　同佛往西方

唵玉萬香玉萬香清淨光莎下　七变

看病咒　見疾病人　當願衆生

知身空寂　離乖諍法

唵室哩哆室哩哆拿吒利莎賀

掃寺及僧堂咒

爲瓦從前立及堆依然滿地是塵埃等困和栖

都掩都紐　手曇花萬上開

唵摇婆摇婆除諸污穢清淨莎下

濾水咒　濾水應須敬々須細虫迷勝可傷

情君遺謟酒羅乾死不免

依前是殺生　唵阿羅吽叭吒莎下　七变

拏木魚并木板呪
架在樑間業障多歒時記取念彌陀從今忍得
菩樹提眞向人間作浪波 ○ 炊粿呪
唵南無智惠精進莎下 印粿并進粿呪
唵悉陀林嚴都悉陀耶莎下 燃燈呪
唵三時光明薩下 三度 滅燈呪
唵藏燈〻生天例还天吾今藏燈哩嗅莎下 三度
繞塔寺呪 始啟繞塔 當願衆生
施行福祐 究竟道意 遶塔三匝
當願衆生 得一向意 ∴ 不絕四喜
小便呪 五濁混穢却除根輕安泰然身体
無碍 唵定泥渡吒摩尼莎下
外野大便呪
勅土地神祇速去不歸天地閉户萬神不知急
急如律令 旨太上法 拏小鐘斗呪
藐曹竹無妻瑞僧伽大雄憐惘以號秀嗟

皇覺解脫常住摩耶

南無釋迦牟尼佛　係請呪鍾讚曰

願此鍾声朝法界鉄圍幽闇悉皆聞〻塵

清淨証圓通一切衆生成正覺文鍾声順

憤生智惠菩提生願成佛度衆生

唵伽羅帝耶娑婆訶　三変

南無觀世音菩薩　三変

請鼓呪

朝登弁鼕泰登日〻請上堂時文法鼓賢

聖集來光放那魔外道同付慈悲居敏

堂諸佛菩薩來降下願祈國泰詳安康

南無本師釋迦牟尼佛　三声

# 目連本行

19,8 x 13,3 cm

# Mục-liên bản-hạnh

1 Tích xưa đức bụt Mục-liên 目連
Thương mẹ tìm đến Tây-thiên tu-hành 西天
Ba năm chứng quả viên thành
4 Một bát một mình nhẫn-nhục từ bi

Thanh-đề từ thuở sinh li 清提
Tội rằng sa ngục A-tì khốn thay (世) 阿鼻
Diêm vương đòi (堆) hỏi đòi (隊) ngày
8 Dương-gian thiện ác, biết hay ca lòng (歆)
Phán-quan kiểm bộ tiên-đồng
Mở sổ rõng-rõng biết sự ngay gian
Thanh-đề nết ở đá (𥒥) đoan
12 Thấy (体) người (㝵) đói khát cơ hàn chẳng thương
Sát hại lục súc ngưu dương
Tổn tha vật mệnh phỉ thường bằng tăng 誹
Cho nên quả báo chẳng (庄) hằng
16 Nhĩ tác nhĩ thụ, đọa chưng u-đồ 尒作尒受; 幽途

Con tìm mười cửa Phong-đô (鄷→酆) 酆都
Chẳng thấy từ-mẫu biết hồ (胡) làm sao

(5) Thanh-đề: mẹ Mục Kiền Liên
(7) Đòi hỏi: hỏi một cách vặn (so với đòi-co) – Đòi ngày: nhiều ngày (8) Ca: trong

目連本行

昔𠸍德孛目連
傷媄𡢐典西天脩行
𠀧觧証果圓成
𠬠鉢𠬠命忍辱慈悲
清提慈課生离
罪暴沙獄阿鼻困世
閻王堆嗨隊𣈜
陽間善惡別咍欱𢚸
判官檢簿仙童
驅奴痛匕別事𣦍奸
清提湼於𥒥端
体㝵啂渴飢寒庄傷
殺害六畜牛羊
損他物命誹常諸僧
朱𢧚果報庄恒
尒作尒受墮蒸杳途
昆尋𨑮𨷯鄷都
庄体慈母別胡乡牢

把術白字塔高 羣固獄芇和法吏後
跳过塊淡百歧 瞶覷𨤔獄城池𪨈世
錫杖拎於𢬣𩙻 枯包𨤔獄駉排双双
牛頭獄卒西東 㕭法調共放赦罪人
体媄苦海沉淪 平刀拮𦛌进分郡疠
清提買保[illegible][illegible] 媄沛飢梂莵挼同危
恣𣈜托竉陰司 媄沛拎獄阿鼻困𫢩
恩昆報補𪜀斎 破特獄尼媄買脫身
庄羣変𡭧凡塵 祖先內外双親和途
特𡎢九品仙都 遂食天廚喜捨慈悲

---



Trở (把) về bạch Bụt thấp cao
Còn có ngục nào vâng phép lại đi (修→𢧚)
Bước qua khỏi dặm Bách-kì 百岐
Coi thấy (𠊛覷) cửa ngục thành trì ghê thay
Tích-trượng cầm ở ca tay 錫杖
Gõ (枯→㧻) vào cửa ngục mở bày xong-xong 双双
Ngưu-đầu ngục-tốt tây-đông 牛頭
Vâng phép đều cùng (共) phóng xá tội-nhân 放赦
Thấy mẹ khổ-hải trầm luân 苦海
Bằng dao cắt ruột mười phần quặn đau

Thanh-đề mới bảo trước sau 清提
« Mẹ phải cơ cầu (飢梂) nhiều nỗi (挼) gian-nguy 间→艰
« Từ ngày thác xuống Âm-ti
« Mẹ phải cầm ngục A-tì khốn nay (𫢩)
« Ơn con báo-bổ làm chay
« Phá được ngục này, mẹ mới thoát thân
« Chẳng (庄) còn bén (変) chút phàm trần
« Tổ tiên nội ngoại song-thân hoà đồ 和途
« Được ngồi Cửu-phẩm tiên-đô 九品仙都.
« Tống (遂→送) thực thiên-trù hỉ xả từ bi 天厨

---

19.- 把 xưa đọc Blả
22.- Tiếng thấy viết 体 (12) hoặc 𠊛覷 (ở đây) — 23. Tích trượng: gậy tít thiếc của các tăng dùng đi đường — Ca: ở (x. 8) — 24. Xong xong đến hết mức — 30 Cơ cầu: ý là cơ cận (đọc cơ cần?) mà lầm ra.
— 36 Hoà đồ: có lẽ muốn nói: cả mọi đàng

Mục-liên thuở ấy mới ra (𨖲)[ra 罗]
Tìm chẳng thấy (体) mẹ, ngồi thì hỏa lo (盧)
Mười tám cửa ngục lạc (樂) từ
Thương mẹ thay lạ (㖠) tìm chẳng thấy đâu
Dòng dòng nước mắt thâm (深㰝)
« Mẹ ơi mẹ hỡi ở đâu thương này.
Bụt bảo Mục-liên rằng bay (悲)
« Mẹ ngươi bấy chầy cầm ở Phong-đô.
« Mười tám cửa ngục lạc (樂) từ
« Non cao cộn cộn (𡶀㐌) Phong-đô rậy ràng (曳𡗶) »

Mục-liên coi thấy chẳng đang
Bay cầm tích (昔) trượng (丈) gõ ngang cửa từ
Thanh-đề ra (罗) hỏi sự do
« Người nào hay (哈) đến (典) Phong-đô chốn này? »
Mục-liên thưa lời rằng bay
« Bớ (𠊚) đi tìm mẹ chốn này là nuôi (挼)
« Bụt đã bảo tớ mọi lời (𠰚)
« Ơn nuôi đòi bảo mẹ này (尼) ra đây 恩 ≠ 𩲡
« Ơn Sứ vào bảo một giây (之)
« Có Mục-liên thầy tìm mẹ phu-nhân

---

39: Đi viết 𨖲 ở đây và 𠊛 ở (20) — 40 Hỏa: cả — 41 Ngục lạc: (rạc) nhà ngục. Đây chữ lạc viết 樂, chỗ khác viết 落 — 42. Lạ 㖠
43. 深㰝 — 45 Bay 悲: vậy (x 53) — 48. Cộn cộn: to cao lắm — Rậy ràng: náo động ồn ào. — 50. Tích ~~việt~~ trượng ~~昔越~~ trượng viết lầm cả hai chữ 錫杖 — 51. Ra 罗
53. Nuôi: tiếng xưng hô người mà mình kha nể nang thân mật — 58 Nên để ý đến cách đặt chữ bị chỉ định ngược, theo văn phạm Hán-ngữ

目連課意罗後
尋庄体𡢼維時和盧
过糁𨍦獄樂因
傷𡢼世㖠尋庄体兜
洞七渃眜深㰝
𡢼喂𡢼唉於兜傷尼
孛保目連㖫悲
𡢼𡗶閉𨅸於酆都
过糁𨍦獄樂因
崙高𡶀七酆都曳𡗶
目連𡎝体庄當
𢬣拎昔丈𢮿昂𨍦因
清提罗吵事由
𠊚芇哈典酆都𨍦尼
目連踈𠰘㖫悲
𠊚𠊚尋𡢼𨍦尼羅挼
孛㐌保𠊚每𠰚
恩挼隊保𡢼尼罗低
恩使𠊚保𡢼之
固目連柴尋𡢼夫人

清提嘮嗜嘆身
目連𠇮氏夫人坤恳
陽間羅卜昆綿
𠇮時庄沛目連兜𠊛
鬼使欺氏吏𠚢
目連庄沛昆婆親生
目連吏保分明
引諭䕯轄眞情朱哈
媄生𡗶卜実員
出家乡柴改号目連
店暎傷媄迻尋
孛朱𠬠杖錫金昆棋
体丕尋典准尼
恩援暎𠁑保媄𠚢低
鬼使𠓨保𠬠之
清提明嗜各𠁑因人
昆𠂤固義十分
眞𠚢株別矯分待鐘
清提𠚢𨷯東豐
目連𥉴体菊躬謝祠



Thanh đề mảng 嘮 tiếng than thân.
« Mục-liên tên ấy, phu-nhân khốn nhìn
« Dương gian ra vóc (罗卜) con mìn
« Tên thì (時→時) chẳng phải Mục-liên đâu là 𠊛 »
Quỉ-sứ khi ấy lại ra (𠚢)
« Mục-liên chẳng phải con bà thân sinh »
Mục-liên lại bảo phân-minh
Dẫn dụ sau trước chân tình cho hay
« Mẹ sinh ra vóc thật rày
« Xuất gia làm thầy, cải hiệu Mục-liên
« Đêm ngày thương mẹ đi tìm (迻)
« Bụt cho một trượng tích kim (錫金) con gầy 棋? (gậy)
« Thấy vậy tìm đến chốn này
« Ơn muối ngày rày bảo mẹ ra đây » (𠚢)

Quỉ-sứ vào bảo một giây
Thanh-đề mừng giữ (嗜) các rày tù-nhân
« Con tôi có nghĩa thập-phân.
« Dù ra cho? (株) biết, kẻo phấn đợi trông »
Thanh-đề ra cửa Đông-phong
Mục liên coi thấy cúc (菊→鞠) cung tạ từ (祠→辞)

---

59. Mảng: nghe — 60. "ra vóc: coi ra là hình thể — Mìn: ta
70. Gầy 棋: gậy

Đôi hàng nước mắt bằng mưa
« Mắt 棡 mẹ hoà khóc qua ưa thương này
« Thì vận quả báo chẳng tây
« Nhị tác nhị thụ ai rày chịu ~~chung~~ cho
« Bấy chầy mẹ thác phù đồ 浮塗
« Mẹ ôi quả báo Phong-đô nhật dạ 日夜
« Áo ăn làm thấy xấu xa
« Ba năm tư sạc (落) thật đà gian nguy
« Bây giờ chẳng có của chi
« Thì tuy quả thực mẹ (嬪→㛪) thì xá (赦) ăn »

toan?
Lòng còn độc 算 dữ (𡗊) làm ngặn (→毒
Ăn chuối bỏ vỏ tù nhân ăn mày.
Chẳng cho, lấy chân đạp dày (𨅹→踏)
Mục-liên coi thấy thương thay tấm (三) lòng (ca?
« Thể âu quả báo làm xong lòng I ?
« Ước làm sao (牟→牢) khỏi thoát vòng u-minh ? »
Mục-liên niệm cứu hương kinh
Hoá bát cơm trắng hoá hình mẹ ăn
Thanh-đề chịu chẳng làm ngặn
Vả (捹) chưa đến miệng (咽→𠰘) cơm rày ra than (嘆)

堆行渚眜朋霜
棡㛪和哭戈於傷尼
時運果報庄私
尒作尒受埃㐌𡞕朱
閉疟㛪托浮塗
㛪噲果報酆都日夜
襖咹夕体醜車
巴𢆫四落实陀間危
𢚸除庄固貼之
時系果食嬪時赦咹
悪羣算𡗊夕恨
咹綴補撫因人咹眉
庄朱袷蹎踏𨅹
目連𥆾体傷世三弄
体軀果報夕双
約夕牟塊脫忘𨀈冥
目連念救香經
化鉢粓皇化形㛪咹
清提𦋦庄夕恨
捹渚典咽粓𫢩𠚢嘆

目連渃洡和㳩
媄[illegible]媄唉盘桓傷世
体軀果報羣𨀈
媄昆嘵浽䔲蔘蓑塘
清提𠹾仍思量
墮𫜵身狌直長巴𢆥
𣳔〻渃洡昭瀧
𠹾𫜵身狌古今恪類
奴𣈜買特𫜵㝵
爲烝果報庄差兜罗
受罪困苦埃戈
𠻤買谷性事它別咍
汝恩固目連柴
明心見性課尼埃戈
鄧𫜵水陸齋家
金艮珠宝發罗𫜵艮
𨎟罗報德慈親
𨍦罗七祖沈淪化塊
共汝大法空門
包𡗉橫命等塊脫罗

Mục-liên nước mắt hòa chan
« Mẹ ôi mẹ hỡi bàn-hoàn thương thay
« Thể âu quả báo còn chầy
« Mẹ con nhiều nỗi đắng cay trăm đường »

Thanh-đề chịu những tư-lương
Đọa thân làm chó, chục trường (長) ba năm
Dòng dòng nước mắt chiêu đầm
Chịu làm thân chó cổ câm (今) khác loài
Nọ ngày mới được làm người
Vì chưng quả báo chẳng sai đâu là
Thu tội khốn khổ ai qua
Rầy mới cốc tính sự đà biết hay
Nhờ (汝) ơn có Mục-liên thầy
Minh tâm kiến tính thuở này ai qua
Dùng (鄧) làm thủy lục chay (trai) gia
Kim ngân châu báu phát ra làm ngân
Trước là báo đức từ-thân
Sau là thất tổ trầm luân hóa hồn
Cũng nhờ đại-pháp không-môn
Bao nhiêu hoành-mệnh 橫命 đẳng hồn thoát ra

Tụng kinh liên tiếp nhật dạ
120 Khai phương, phá ngục hiệp hòa lăm nơi.
Chuyển luân pháp-cổ vang trời
Thỉnh thập phương phật hộ nơi chứng đàn
Thanh-văn Bồ tát hai bên
124 Đồng trợ công đức mãn, viên thửa nay (𢀭)
Tụng kinh Huyết-bàn khi này ~~~
Trung-nguyên xá tội thoát rày Phong-đô
Bao nhiêu ~~nhà~~ địa-ngục lao tù
128 Cũng được thoát cả tiên-đồ thanh nhàn

Mục-liên nhờ đức từ-nhan
Mãn viên bạt độ trai-đàn tiến tu
Huyết-bồn đẳng chúc cửu-ngục
132 ? Quang đàn tam tiếp Phong-đô rành rành
Bao nhiêu tù ngục rạc hình
Bụt liền xá tội siêu-sinh lăm ngàn
Thanh-đề từ ấy thoát thân
136 Khỏi loài cầm thú cổ-kim từ rày
Nhờ (𠎬) ơn có Mục-liên thầy
Các các môn ngục đều rày hoá tiên

誦経連拔日夜
開方破獄恰和乡尼
轉輪法鼓喋吞
請十方仸護尼証坛
声聞菩薩𠄩边
同助功德滿圓課𠉞
誦経血盆欺尼
中元赦罪脫𠉞鄷都
乇庬坔獄牢囚
共特脫奇仙都猜閑
目連汝德慈顏
滿圓拔度齋坛進脩
血盆等燭九獄
逹坛三匝鄷都停乇
乇庬囚獄落刑
孛連赦罪超生乡跟
猜提慈氐脫身
𡎝類禽獸古今自𠫾
𠎬恩固目連柴
各七門獄調𠫾化仙

埃七享祿自然 七祖九玄調特化生
井露落洒淨清 備七金相坐屏蓮花
部簫樂撫唱歌 黙行核宝夜七安都
中元放赦牢因 目連發引閣浮經空
自爲得道成功 同解享福国中畦𨇜
圓歸寶餞萬全 有罪無罪罪脫蓮婈七
水清月現澄七 多汗憲嗯擻叒倍塵
埃七隊德皇恩 十八地獄乡狠喜歡
牛頭馬面千班 調時放赦凱还天君
勸身善信聆斯 舍脩朱氿荇仁渚發

Ai ai hưởng phúc (tội) tự nhiên
Thất tổ lục huyền đều được hoá sinh
120 Cam-lồ nước rưới tịnh thanh
Lâu lâu kim tướng tọa bình liên-hoa
Thiều tiên nhạc võ xướng ca
Bửu hằng cây báu Sa-rạ nở đua
124 Trung nguyên phóng xá lao-tù
Mục-liên tiếp dẫn Diêm đồ sạch không
Đi rày đức đạo thành công
Muôn năm hưởng phúc quới trùng khoẻ bền
128 Viên dung vẫn phiệt vạn tuyền
Hữu tội, vô tội, thoát liền lâng lâng
Thủy thanh, nguyệt hiện trùng trùng
Một cơn ([illegible]) gió thổi quyết chùng bụi trần
132 Ai ai tội đức Hoàng-ân
Thập bát địa-ngục lâm ngân hỉ hoan
Ngưu đầu, mã diện thiên ban
136 Điều thì phóng xá khải hoàn thiên quân

Khuyên người thiện tín xa gần
136 Hạ tứ cho chín, chữ nhân chớ rời

Độc dữ quả báo vô sai

140 Ai hoà giữ được ấy ~~mấy~~ mai được tuyền

Hạnh nầy truyền để thiên niên

144 Mục liên thành Phật, thành tiên chép làm

Nam-mô A-di-đà phật

Thiên-tử vạn vạn niên chi thọ

Mục liên bản hạnh chung-tất

o Giáng ma kệ

毒與果報無差　埃和財持氏埋持全

行𠁀傳底千年　目連成佛成仙創多

南無阿彌陀佛

天子萬々年之壽

目連本行終畢　○　降魔偈